



EVNINTERNATIONAL

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

Địa chỉ: Lô 91, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Cẩm Lệ, Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.6255656 Fax: 0236.3633.991

Website: www.evni.vn



TÀI LIỆU HỌP
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

Thời gian: Bắt đầu từ 08h00 ngày 15 tháng 6 năm 2018
Địa điểm: Hội trường khách sạn Minh Toàn, số 162 đường 2 tháng 9, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Đà Nẵng, tháng 6 năm 2017



EVNINTERNATIONAL

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

Địa chỉ: Lô 91, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Cẩm Lệ, Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.6255656

Fax: 0236.3633.991

Website: www.evni.vn



**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

Thời gian: Bắt đầu từ 08h00 ngày 15 tháng 6 năm 2018

Địa điểm: Hội trường Khách sạn Minh Toàn,
Số 162 đường 2 tháng 9, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Thời gian	Nội dung
08h00 - 08h30	- Đón tiếp đại biểu và cổ đông - Kiểm tra tư cách cổ đông và lập danh sách cổ đông tham dự Đại hội.
08h30 - 08h45	Tiến hành Đại hội - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông; - Thông qua quy chế tổ chức, quy chế bầu cử, thể lệ biểu quyết tại ĐHĐCD; - Giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội, Ban bầu cử và kiểm phiếu.
08h45 - 08h50	Giới thiệu và biểu quyết thông qua chương trình Đại hội
08h50 - 10h30	Cổ đông nghe báo cáo, thảo luận và biểu quyết các nội dung sau: 1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017 và nhiệm vụ năm 2018; 2. Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán; 3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và đề xuất chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2018; 4. Trình Kế hoạch năm 2018; 5. Thông qua quyết toán thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2017, Kế hoạch thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2018; 6. Báo cáo kết quả ứng cử đề cử TV HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018-2023. HĐQT, BKS đương nhiệm giới thiệu bổ sung thành viên HĐQT, BKS trong trường hợp ứng cử, đề cử không đủ số lượng; 7. Bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018-2023; 8. Trình thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; 9. Trình thông qua nội dung Quy chế quản trị nội bộ công ty; 10. Báo cáo kết quả bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018-2023
10h30 - 10h45	Giải lao: (HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018-2023 họp phiên 1 bầu Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS).
10h45 - 11h15	11. Báo cáo kết quả bầu Chủ tịch HĐQT; Trưởng ban kiểm soát 12. Trình thông qua Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc EVNI.
11h15 - 11h30	13. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
11h30	Bế mạc Đại hội

Đà Nẵng, tháng 6 năm 2018

Đà Nẵng, ngày tháng 6 năm 2018

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ THỂ LỆ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI).

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần EVN Quốc tế diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

Điều 1. Mục đích

1. Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần EVN Quốc tế diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (sau đây gọi tắt là Công ty) đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Phạm vi áp dụng: Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần EVN Quốc tế (sau đây gọi tắt là Đại hội).

Điều 3. Điều kiện và yêu cầu đối với Cổ đông tham dự Đại hội

Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt đến hết ngày đăng ký cuối cùng là ngày 26 tháng 3 năm 2018 đều có quyền tham dự Đại hội; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự theo quy định.

Trong thời gian diễn ra Đại hội:

- Các cổ đông phải tuân thủ theo sự điều hành, hướng dẫn của Chủ tọa Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội; không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Chủ tọa Đại hội cho phép.

- Nghiêm túc thực hiện quy chế tổ chức và các quy chế liên quan tại Đại hội, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội và sự điều hành của Chủ tọa Đại hội.

- Cổ đông đến dự Đại hội trễ (sau khi khai mạc) phải thực hiện các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay sau khi đăng ký, nhưng Chủ tọa Đại hội không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 4. Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

- Khách mời không được tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

Điều 5. Cổ đông, Khách mời tham dự Đại hội phải tuân thủ:

- Đến tham dự đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân... theo yêu cầu của Ban tổ chức Đại hội. Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.

- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký.

- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.

- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội.

- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy trình nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

Chương II

CÁC THẺ THỨC TẠI ĐẠI HỘI

Điều 6. Đối với các Cổ đông¹ tham dự đại hội

1. Mỗi Cổ đông khi tới tham dự phải mang theo giấy tờ tùy thân (*Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu*) trình Ban tổ chức Đại hội khi Ban Tổ chức yêu cầu. Trường hợp người dự họp là người được ủy quyền phải gửi kèm theo giấy ủy quyền.

2. Ngay sau khi hoàn tất khâu đăng ký, kiểm tra tư cách họp lệ; Mỗi cổ đông sẽ được Ban tổ chức Đại hội cấp các thẻ biểu quyết về từng nội dung đã được in trên thẻ. Trên Thẻ/Phiếu biểu quyết có ghi rõ số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số cổ phần sở hữu, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

3. Tại Đại hội, các Cổ đông sẽ nghe báo cáo lần lượt các nội dung của Đại hội, sau đó cùng thảo luận, ý kiến công khai và biểu quyết tất cả các vấn đề trong chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 theo sự điều hành của Chủ tọa.

¹ Cổ đông: được hiểu là cổ đông trực tiếp tham dự hoặc một hay nhiều Người đại diện được ủy quyền tham dự

4. Tại Đại hội, các Cổ đông sẽ thực hiện công tác bầu cử thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023 tại Đại hội theo sự Điều hành của Chủ tọa và Ban bầu cử & kiểm phiếu.

Điều 7. Các bộ phận liên quan giúp việc tại Đại hội:

1. **Ban tổ chức Đại hội** do Hội đồng quản trị Công ty thành lập. Ban tổ chức (BTC) có trách nhiệm biên soạn các quy chế làm việc, quy chế bầu cử, thể lệ biểu quyết trình Đại hội. Thực hiện phát tài liệu, thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết cho cổ đông có đủ tư cách tham dự và những thủ tục cần thiết khác để Đại hội được tổ chức đúng quy định.

2. **Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội** (gọi tắt là Ban kiểm tra tư cách cổ đông) do BTC Đại hội chỉ định. Ban kiểm tra tư cách cổ đông tiếp nhận giấy tờ những người đến tham dự Đại hội xuất trình, kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông dự Đại hội. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền kiến nghị việc từ chối cấp các tài liệu tham dự của Đại hội.

3. **Ban bầu cử và kiểm phiếu** do Chủ tọa Đại hội đề nghị và Đại hội biểu quyết thông qua; thành viên Ban bầu cử và kiểm phiếu không phải là người có tên trong danh sách đề cử hay ứng cử để bầu cử tại Đại hội. Số lượng thành viên Ban bầu cử & kiểm phiếu do Chủ tọa Đại hội đề nghị và Đại hội biểu quyết thông qua.

Ban bầu cử và kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết/bầu cử;
- Kiểm đếm số phiếu biểu quyết theo các nội dung biểu quyết để công bố công khai kết quả kiểm phiếu tại Đại hội;
- Phối hợp với Chủ tọa Đại hội tổ chức công tác bầu cử; thực hiện kiểm phiếu bầu, lập biên bản kết quả bầu cử và công bố trước Đại hội (nếu được Chủ tọa phân công).

Điều 8. Chủ tọa và Thư ký Đại hội:

1. Chủ tọa Đại hội:

Chủ tịch HĐQT sẽ là Chủ tọa điều hành Đại hội. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

- Nhiệm vụ và quyền hạn của chủ tọa:
- + Điều hành Đại hội theo chương trình, quy chế tổ chức của Đại hội;
- + Phân công, giới thiệu đại diện thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành Công ty trình bày các báo cáo tại Đại hội;
- + Giới thiệu thành phần Đoàn chủ tịch để Đại hội biểu quyết;

- + Giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu và bầu cử để Đại hội biểu quyết;
- + Giới thiệu Thư ký lập biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- + Hướng dẫn các đại biểu thảo luận;
- + Trình bày các nội dung và kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- + Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung, chương trình đã được Đại hội thông qua;
- + Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội.

2. Thư ký Đại hội do Chủ tọa Đại hội đề nghị và được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua. Ban Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa Đại hội, phản ánh trung thực, chính xác nội dung Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

- Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký Đại hội:
 - + Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - + Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của đại biểu;
 - + Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
 - + Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông;
 - + Hỗ trợ Chủ tọa Đại hội công bố thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2018 và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Chủ tọa Đại hội và Ban thư ký Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

CHƯƠNG III. TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Cuộc họp Đại hội cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất **51%** tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

- Trường hợp không có đủ số lượng cổ đông cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% (Ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết;
- Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành do không đủ số cổ đông cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần thứ hai, và trong trường hợp này, Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện

ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

Điều 10. Phát biểu tại Đại hội:

- Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.

- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho Đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

Thể thức phát biểu:

- Giờ cao Thẻ Biểu quyết đề nghị phát biểu và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội.

- Nội dung phát biểu phải ngắn gọn và phù hợp với Chương trình Đại hội.

- Thời gian phát biểu không quá 05 -10 phút cho 01 lần phát biểu.

Điều 11. Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông

Tất cả nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được Ban thư ký Đại hội ghi vào biên bản của Đại hội. Nghị quyết của Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ tại Công ty.

CHƯƠNG IV. THẺ LỆ BIỂU QUYẾT

Điều 12. Nguyên tắc chung

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.

- Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Mỗi cổ đông được cấp các thẻ biểu quyết từng nội dung đã được in trên thẻ. Trên Thẻ/Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của cổ đông đó.

- Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 như sau:

+ Biểu quyết bằng hình thức giơ tay biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề gồm

- ✓ Chương trình Đại hội;
- ✓ Thành phần Chủ tịch đoàn; Ban thư ký; Ban bầu cử & kiểm phiếu;
- ✓ Quy chế tổ chức Đại hội và thẻ lệ biểu quyết;
- ✓ Quy chế bầu cử;
- ✓ Danh sách ứng cử HĐQT và BKS;

- ✓ Thông qua Biên bản đại hội, Nghị quyết đại hội.
- + Biểu quyết bằng hình thức điền vào Thẻ/Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề gồm
 - ✓ Báo cáo hoạt động năm 2017, nhiệm vụ 2018 của Hội đồng quản trị;
 - ✓ Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán;
 - ✓ Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2017 ;
 - ✓ Lựa chọn công ty kiểm toán tài chính cho năm 2018;
 - ✓ Kế hoạch SXKD của Công ty năm 2018;
 - ✓ Quỹ khen thưởng và phúc lợi năm 2018;
 - ✓ Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và BKS năm 2017 và dự trù 2018;
 - ✓ Điều lệ công ty sửa đổi; Quy chế quản trị nội bộ công ty;
 - ✓ Chức danh Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty.
 - ✓ Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (nếu có);
 - ✓ Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần (nếu có);
 - ✓ Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Công ty, các quy chế khác của Công ty và một số vấn đề tại Đại hội.

Điều 13. Cách thức biểu quyết

1. Cổ đông tham dự tại Đại hội:

- Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

- Cổ đông hoặc người được đại diện theo quỹ quyền thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Phiếu biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định nêu trên.

- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Phiếu biểu quyết, mặt trước của Thẻ/Phiếu biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa đoàn. Ban kiểm phiếu tiến hành thu phiếu theo lần lượt: Phiếu tán thành; Phiếu không tán thành, và Phiếu không có ý kiến. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ/Phiếu biểu quyết, Thành viên ban kiểm phiếu đánh dấu mã cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến.

2. Cổ đông bỏ phiếu từ xa:

Trong trường hợp Cổ đông không trực tiếp tham dự Đại hội có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu từ xa bằng văn bản. Việc bỏ phiếu từ xa được thực hiện theo trình tự đã được quy định và thông tin tại Thông báo mời họp ĐHĐCĐ số 10/TB-EVNI-HĐQT ngày 22/05/2018.

Điều 14. Thẻ lệ biểu quyết

- Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp 01 (một) phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 26/03/2017) tổng số cổ phần của Công ty là: **36.677.145** cổ phần, tương đương với **36.677.145** quyền biểu quyết.

- Các vấn đề cần lấy biểu quyết trong chương trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 chỉ được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp các nội dung phát sinh khác (nếu có) được quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Đối với việc bỏ phiếu sửa đổi điều lệ được thông qua khi có 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự họp tán thành.

Đối với bầu bỏ sung thay thế thành viên HĐQT Công ty thực hiện theo quy chế bầu cử)

Điều 15. Cách thức kiểm phiếu, ghi nhận kết quả biểu quyết

1. Đối với bỏ phiếu tại Đại hội:

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội.

2. Đối với bỏ phiếu từ xa:

Tại thời điểm bắt đầu đăng ký, kiểm tra tư cách tham dự tại Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ mở Phiếu biểu quyết bỏ phiếu từ xa để kiểm tra tính hợp lệ về tư cách Cổ đông. Khi tư cách Cổ đông đã được xác định là hợp lệ, Phiếu lấy ý kiến biểu quyết của Cổ đông tương ứng sẽ được chuyển cho Ban kiểm phiếu cùng lúc khi với việc kiểm phiếu của Đại hội tại khoản 1 nêu trên.

3. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban bầu cử & kiểm phiếu sẽ lập biên bản kiểm phiếu và chuyển Chủ tọa thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại Đại hội. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu rõ số phiếu biểu quyết Tán thành, Không tán thành và Không có ý kiến cho từng vấn đề cụ thể.

4. Xử lý ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết:

Chủ tọa Đại hội sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội.

CHƯƠNG V. THỰC HIỆN

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, đại biểu tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan.

- Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có quyền:

+ Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc có biện pháp an ninh khác;

+ Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp và các văn bản hiện hành của pháp luật.

Quy chế này có hiệu lực ngay khi bắt đầu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần EVN Quốc tế biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu TH.

leubuh

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trương Quang Minh

Đà Nẵng, ngày tháng 6 năm 2018

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI).

**QUY CHẾ BẦU CỬ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế bầu cử này áp dụng đối với việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2018 -2023 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 và được thực hiện thông qua hình thức bỏ phiếu kín tại Đại hội.

Trường hợp cổ đông¹ ra về trước khi Đại hội tiến hành bầu cử, thì cổ đông đó sẽ mất quyền bầu cử tại Đại hội và Đại hội tiến hành hủy phiếu bầu của cổ đông đó (nếu có).

Điều 2. Số lượng thành viên HĐQT và BKS

Do ĐHĐCĐ thông qua tại Đại hội trên cơ sở đề xuất tại Tờ trình của HĐQT.

Điều 3. Nguyên tắc bầu cử

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS được thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với (x) số thành viên được bầu của HĐQT và BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc phân chia số phiếu bầu của mình cho một ứng cử viên.

- Mỗi phiếu bầu có ghi tên các ứng cử viên để bầu vào HĐQT (đối với phiếu bầu HĐQT) hoặc BKS (đối với phiếu bầu BKS). Cổ đông dùng số phiếu bầu của mình ghi vào ô chọn cho người mà mình tin nhiệm cạnh danh sách tên của từng ứng cử viên và bỏ phiếu bầu vào Thùng phiếu. Trong trường hợp viết sai, cổ đông/đại diện cổ đông không được tẩy xóa mà phải yêu cầu Ban kiểm phiếu đổi lại phiếu mới.

- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên (05 thành viên HĐQT, 03 thành viên ban kiểm soát). Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Công ty.

- Hướng dẫn chi tiết về phương thức bầu dồn phiếu xem phụ lục đính kèm.

Điều 4. Phiếu hợp lệ và không hợp lệ

a) Phiếu bầu cử hợp lệ:

¹ Cổ đông: được hiểu là cổ đông trực tiếp tham dự hoặc một hay nhiều Người đại diện được ủy quyền tham dự

- Phiếu do Ban bầu cử và kiểm phiếu phát, không có tẩy xóa nội dung.
- Phiếu bầu đủ hay phiếu bầu ít hơn số thành viên HĐQT/BKS đã được Đại hội thông qua và bầu cho những người có tên trong danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội thông qua.
- Phiếu không bầu cho người nào (phiếu trống).

b) Phiếu bầu cử không hợp lệ:

- Phiếu không phải là phiếu do Ban bầu cử & kiểm phiếu phát.
- Phiếu có tẩy, sửa chữa nội dung
- Phiếu bầu quá số thành viên HĐQT/BKS quy định.
- Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội thông qua.
- Phiếu bầu cử có tổng số phiếu biểu quyết bầu dồn cho một hoặc một số ứng cử viên lớn hơn tổng số phiếu biểu quyết được ghi trên phiếu

Điều 5. Trúng cử


Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên (05 thành viên HĐQT, 03 thành viên ban kiểm soát). Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau cho đến khi lựa chọn được.

Điều 6. Khiếu nại kết quả bầu cử

Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại Đại hội, cổ đông không được phản đối tính hợp lệ này bất kỳ lúc nào khác. Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban bầu cử & kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

Quy chế này có hiệu lực ngay khi bắt đầu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần EVN Quốc tế biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông; 
- HĐQT, BKS;
- Lưu TH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trương Quang Minh

0102
CÔ
CÔ
E
Đ
Đ

PHỤ LỤC
HƯỚNG DẪN PHƯƠNG THỨC BẦU ĐÒN PHIẾU
(Kèm theo Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS Công ty cổ phần EVN Quốc tế,
nhiệm kỳ 2018-2023)

1. Quy định về việc bầu đôn phiếu

Việc bầu cử thành viên HĐQT và BKS tại ĐHCĐ được tiến hành theo nguyên tắc bầu đôn phiếu, trong đó cổ đông có quyền sử dụng tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một ứng cử viên, hoặc một số ứng cử viên với số lượng bầu cho mỗi ứng cử viên không bắt buộc phải bằng nhau; hoặc chỉ bầu một phần tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, phần phiếu biểu quyết còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào, tùy thuộc vào sự tín nhiệm đối với ứng cử viên đó.

Số lượng ứng cử viên được bầu trong mỗi phiếu không được vượt quá số lượng tối đa được phép bầu.

2. Cách thức bầu:

a) Xác định tổng số phiếu biểu quyết của 1 cổ đông (hoặc đại diện cổ đông):

Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông được xác định theo công thức sau :

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số phiếu} \\ \text{biểu quyết} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số cổ phần} \\ \text{nắm giữ hoặc} \\ \text{đại diện} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số thành} \\ \text{viên} \\ \text{được bầu} \end{array}$$

Ví dụ 1 : Số lượng thành viên bầu vào HĐQT là 5 người.
Số lượng thành viên bầu vào BKS là 3 người.

Ông X là cổ đông nắm giữ 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết.
Nhu vậy, phiếu biểu quyết HĐQT của ông X là $(1.000 * 5) = 5.000$ phiếu
và phiếu biểu quyết BKS là $(1.000 * 3) = 3.000$ phiếu.

b) Cách thức bỏ phiếu :

Đối với trường hợp bầu Hội Đồng Quản Trị : Bầu lấy 5 ứng cử viên thì mỗi cổ đông (đại diện cổ đông) phân phối tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng cử viên mà mình lựa chọn.

Đối với trường hợp bầu Ban Kiểm soát : Bầu lấy 3 ứng cử viên thì mỗi cổ đông (đại diện cổ đông) phân phối tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng cử viên mà mình lựa chọn.

***Cách ghi :**

- Trên mỗi phiếu bầu có ghi rõ tổng số phiếu biểu quyết của người cầm phiếu.
- Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột "Số phiếu biểu quyết" tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.
- Nếu không bầu cho ứng cử viên, cổ đông điền số "0" hoặc gạch chéo vào cột "Số phiếu biểu quyết"
- Cộng tổng số phiếu biểu quyết và ghi vào cột tổng cộng.

Lưu ý: tổng số phiếu đã biểu quyết không được vượt quá tổng số phiếu biểu quyết đã ghi sẵn trên phiếu bầu cử.

1792
GTY
HÂN
N
TÊ
ĐA

Ví dụ 2: Khi bầu cử HĐQT, ông X chia tổng số phiếu biểu quyết của mình là 5.000 phiếu cho các ứng viên, chẳng hạn

TT	Họ và tên	Số phiếu biểu quyết
1	Nguyễn Văn A	1.500
2	Nguyễn Thị B	1.500
3	Lê Văn C	1.000
4	Đào Văn D	500
5	Trần Văn E	500
	Tổng cộng (Không được vượt quá 5.000 phiếu)	5.000

Lưu ý: Ông X có thể chỉ sử dụng ít hơn 5.000 phiếu biểu quyết để bầu cho các ứng viên. Nếu dùng quá 5.000 phiếu biểu quyết là phiếu bầu không hợp lệ.

Ví dụ 3: Khi bầu cử Ban Kiểm Soát, ông X chia tổng số phiếu biểu quyết của mình là 3.000 phiếu cho các ứng viên, chẳng hạn:

TT	Họ và tên	Số phiếu biểu quyết
1	Nguyễn Văn A	1.000
2	Nguyễn Văn B	600
3	Nguyễn Văn C	1.400
	Tổng cộng (Không được vượt quá 3.000 phiếu)	3.000

Lưu ý: Ông X có thể chỉ sử dụng ít hơn 3.000 phiếu biểu quyết để bầu cho các ứng viên vào BKS. Nếu dùng quá 3.000 phiếu biểu quyết là phiếu bầu không hợp lệ.



Số: 11/BC-HĐQT

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 05 năm 2018

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động của HĐQT năm 2017 và nhiệm vụ năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần EVN Quốc tế

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2017

1. Hoạt động thường kỳ:

Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức các phiên họp để quyết định xử lý, chỉ đạo hoạt động của Công ty. Đối với các trường hợp riêng được Công ty kịp thời gửi hồ sơ xin ý kiến các Ủy viên để kịp thời ban hành các Nghị quyết phục vụ điều hành.

Đại hội cổ đông và HĐQT trong năm 2017 đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để chỉ đạo Tổng Giám Đốc thực hiện với kết quả cụ thể như sau:

TT	Số Nghị quyết/QĐ	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-EVNI-HĐQT	24/3/2017	Thông qua các nội dung của phiên họp lần 1 ngày 24/3/2017.
2	02/NQ-EVNI-HĐQT	24/3/2017	Thông qua các nội dung báo cáo tại ĐHĐCĐ 2017 và thời gian tổ chức ĐHĐCĐ 2017 theo kết quả phiên họp lần 1 ngày 24/3/2017.
3	01/QĐ-EVNI-HĐQT	07/4/2017	Quyết định cử TGD đi công tác tại Trung Quốc cho Dự án thủy điện Hạ Sê San 2.
4	02/QĐ-EVNI-HĐQT	28/4/2017	Quyết định phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2017 của EVNI.
5	03/NQ-EVNI-HĐQT	11/7/2017	Thông qua việc thay đổi nhân sự trong <u>HĐQT</u> (bổ nhiệm và miễn nhiệm chức danh PTGD) và bổ nhiệm phụ trách kế toán EVNI theo nội dung phiên họp <u>HĐQT</u> lần 2 ngày 11/7/2017.
6	03/QĐ-EVNI-HĐQT	11/7/2017	Bổ nhiệm PTGD Lê Vũ Ninh theo nội dung phiên họp <u>HĐQT</u> ngày 11/7/2017.
7	04/NQ-EVNI-HĐQT	11/7/2017	Thông qua nội dung báo cáo tình hình SXKD 6 tháng đầu năm 2017 của EVNI và phương án quyết toán chi phí tư vấn đề án “Kết nối lưới điện Việt Nam – Lào – Campuchia giai đoạn 2015 có xét đến triển vọng đến năm 2025” (xem xét trong năm 2018 khi có thêm thông tin về hoạt động từ Dự án Hạ Sê San 2 và/hoặc EVNI có nguồn thu ổn định từ các dự án khác).

TT	Số Nghị quyết/QĐ	Ngày	Nội dung
8	05/NQ-EVNI-HĐQT	20/7/2017	Bổ nhiệm PTGD Lê Vũ Ninh thuộc nhóm Người đại diện phần vốn của EVNGENCO1 tại EVNI, tạm là thành viên HĐQT EVNI nhiệm kỳ 2013-2018 (việc thay thế thành viên HĐQT chính thức sẽ được HĐQT EVNI trình ĐHĐCĐ 2018 trong phiên họp gần nhất để xem xét chấp thuận).
9	06/NQ-EVNI-HĐQT	23/01/2018	Thông qua nội dung báo cáo tình hình thực hiện SXKD năm 2017 và kế hoạch năm 2018; Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ năm 2018; và Thông qua phương án nhân sự HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2018 - 2023.
10	07/NQ-EVNI-HĐQT	23/01/2018	Thống nhất phương án hạch toán khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái (Dự án thủy điện Hạ Sê San 2) vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ kế toán năm 2017.
11	08/NQ-EVNI-HĐQT	23/01/2018	Thông qua quyết toán chi phí tư vấn đề án “Kết nối lưới điện Việt Nam - Lào - Campuchia giai đoạn 2015 có xét đến triển vọng đến năm 2025” và hạch toán toàn bộ chi phí tư vấn vào kết quả SXKD năm 2017.

Về việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đã chỉ đạo thực hiện hoàn thành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, việc thực hiện có chất lượng và đạt tiến độ, hiệu quả.

Việc giám sát đối với Tổng Giám đốc cũng được HĐQT thực hiện đảm bảo quy định theo điều lệ công ty và pháp luật liên quan.

2. Báo cáo công tác chỉ đạo, điều hành:

1. Công tác quản lý dự án:

* Dự án thủy điện Hạ Sê San 2:

- Theo dõi phần vốn góp, tham gia thành viên HĐQT, phối hợp với các Cổ đông khác và Ban điều hành Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2, bám sát các nội dung nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ Hợp đồng cổ đông của Công ty dự án.

- Kết quả đạt được:

Tiến độ phát điện của dự án đảm bảo theo kế hoạch của ĐHĐCĐ: Tổ máy 1 hoàn thành và khởi động vào ngày 28/11/2017 (vượt tiến độ 01 tháng). Ngày 09/12/2017 phát điện chính thức tổ máy 1; ngày 30/12/2017 phát điện chính thức tổ máy 2, hòa lưới điện truyền tải quốc gia Campuchia.

+ Khối lượng tổng thể đạt 83% khối lượng thiết kế, trong đó một số hạng mục chính: Đập đất, đập bê tông, đường dây đầu nối về TBA 230kV Stung Treng hoàn thành 100%.

+ Lắp đặt thiết bị: Tổng khối lượng lắp đặt thiết bị hoàn thành đạt 29%,

* Đối với các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1: Tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự dự án Hạ Sê San 2, tuy nhiên đến nay vẫn chưa có kết quả.

2. Công tác tư vấn QLDA và TVGS:

2.1 Công tác TVQLDA Dự án Điện gió Bến Tre:

Hoàn thành công tác tư vấn QLDA lập hồ sơ xin chủ trương đầu tư cho dự án điện gió tại tỉnh Bến Tre và đã được UBND tỉnh cấp phép đầu tư đảm bảo theo hợp đồng với EVNGENCO1. Trong thời gian tới EVNI tiếp tục thực hiện việc quan trắc và đánh giá tiềm năng gió của dự án để bàn giao Chủ đầu tư theo hợp đồng, bàn giao công tác Tư vấn QLDA cho Ban QLDA Nhiệt điện 3 thực hiện các bước tiếp theo. Đã hoàn thành nghiệm thu thanh toán giai đoạn 1: 283.481.121 đồng.

2.2 Công tác Tư vấn giám sát thi công:

Trong năm 2017, Công ty cổ phần EVN Quốc tế đã thực hiện 10 gói thầu tư vấn giám sát, với tổng giá trị hợp đồng đạt 5,6 tỷ đồng. Trong đó, đã hoàn thành 06 gói thầu; đang triển khai 03 gói thầu sẽ được hoàn thành bàn giao quý 1/2018. Kết quả thực hiện cụ thể:

* Các gói thầu đã hoàn thành:

- Gói thầu 05 & 07 thuộc dự án cơ sở hạ tầng Trung tâm điện lực Duyên Hải: (gói thầu chuyển tiếp hợp đồng từ tháng 12/2013).

Trong năm 2017, EVNI tiếp tục thực hiện giám sát công tác xử lý tồn tại, quyết toán gói thầu. Đến nay đã cơ bản hoàn thành, nghiệm thu thanh toán giá trị thực hiện theo hợp đồng là: 4.439.309.272 đồng.

Nâng công suất MBA 110kV tại các TBA Quận 3 – Hòa Khánh:

Hoàn thành đóng điện đưa vào vận hành trong tháng 03/2017. Nghiệm thu và quyết toán hợp đồng với giá trị: 338.181.818 đồng.

- *Nạo vét kênh tuần hoàn Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh :*

Hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng tháng 04/2017. Nghiệm thu và quyết toán hợp đồng với chủ đầu tư với giá trị là: 79.425.812 đồng.

- *Lưới điện 220kV đấu nối nhà máy điện phân nhôm Đắk Nông:*

Hoàn thành đóng điện đưa vào vận hành trong tháng 5/2017. Nghiệm thu và quyết toán giá trị Hợp đồng là: 878.290.909 đồng.

- *Lắp máy biến áp thứ 2 trạm biến áp 220kV Thạnh Mỹ:*

Hoàn thành đóng điện đưa vào vận hành trong tháng 10/2017. Nghiệm thu và quyết toán hợp đồng với chủ đầu tư với giá trị là: 274.500.000 đồng.

- *Đập bãi thải xỉ dự án giai đoạn 2- Nhiệt điện Quảng Ninh 2:*

Hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng vào cuối tháng 12/2017. Nghiệm thu và thanh lý hợp đồng với giá trị 717.272.727 đồng.

* Các gói thầu đang triển khai dự kiến hoàn thành Quý I/2018:

Hiện tại EVNI đang triển khai tại các gói thầu: (1) Trạm biến áp 500kV Lai Châu: Giá trị đã thanh toán đạt 80% khối lượng theo hợp đồng tương đương 886.400.000 đồng; (2) Trạm biến áp 220kV Phù Mỹ: Giá trị đã thanh toán đạt 70% khối lượng theo hợp đồng tương đương 453.059.091 đồng; (3) Trạm biến áp 220kV Đăk Nông: Giá trị đã thanh toán đạt 30% khối lượng theo hợp đồng tương đương 498.054.000 đồng;

Về công tác tư vấn giám sát do EVNI thực hiện được Chủ đầu tư đánh giá cao về chất lượng, tiến độ và chưa để xảy ra các sai phạm trong quá trình thực hiện. Việc hoàn thành các hợp đồng tư vấn giám sát đảm bảo cho EVNI đủ năng lực để đấu thầu cạnh tranh với các đơn vị khác, tạo công việc ổn định và tăng thu nhập cho CBCNV Công ty.

3. Các công việc khác:

Ngoài nhiệm vụ chính là bảo toàn vốn của EVNI tại Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 và tham gia cung cấp dịch vụ Tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp truyền tải của ngành điện, trong năm 2017 Công ty còn thực hiện một số công việc khác như sau:

- Hoàn thành công tác tổ chức ĐHCĐ thường niên công ty năm 2017.
- Hoàn thành giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom.
- Thực hiện dịch vụ cho thuê văn phòng.
- Hoàn thành công tác lập dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, về việc chống thấm ban công, cải tạo, sửa chữa công trình nhà điều hành Công ty. Nhà thầu thi công xây dựng đã hoàn thành công tác cải tạo và sửa chữa vào cuối tháng 8/2017.

Ngoài ra, trong năm 2017 Công ty cổ phần EVN Quốc tế đã thực hiện tốt chương trình tiết kiệm chống lãng phí bằng nhiều hoạt động thiết thực như:

- + Tuân thủ nghiêm túc quy chế Quản lý chi tiêu của Công ty;
- + Tiết kiệm tối đa việc sử dụng điện;
- + Đối với việc in ấn, photo tài liệu: ứng dụng tối đa công nghệ thông tin vào công tác quản lý văn phòng, hạn chế in, sao văn bản;
- + Tiết kiệm tối đa trong việc mua sắm hàng hóa, công cụ, dụng cụ;
- + Tiết kiệm chi phí đi lại, di chuyển khi đi công tác: sử dụng vé máy bay giá rẻ nhất của các hãng cung cấp (Vietnam Airline, Vietjetair, Jetstar) tại thời điểm di chuyển. Hạn chế tối đa đi taxi, tận dụng sử dụng xe ô tô cơ quan khi thực hiện công tác trong khu vực thành phố Đà Nẵng và các tỉnh Miền Trung.
- + Tiết kiệm tối đa chi tiêu khi đi công tác, hạn chế việc tham dự các hội nghị, tập huấn không thật cần thiết, không kết hợp tổ chức hội nghị với tham quan, nghỉ mát,....

4. Tình hình thực hiện nguồn thu và chi phí năm 2017:

Hoạt động năm 2017 trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc tổng chi phí hoạt động không vượt quá tổng các khoản thu. Công ty cổ phần EVN Quốc tế đã triệt để tiết

kiểm các khoản chi nhằm hoàn thành yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đồng thời tối ưu hóa các khoản thu, nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong chi phí hoạt động. Đến nay các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 đã hoàn thành, cụ thể:

+ Lợi nhuận trước thuế đạt 1.697 triệu đồng (tăng 31,4% so với kế hoạch); nộp ngân sách nhà nước 590,7 triệu đồng.

+ Thanh toán nợ tư vấn: (Chi phí lập FS của dự án thủy điện Hạ Sê San 2, theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2017): là 3,1 tỷ đồng.

+ Quỹ phúc lợi: Trích từ lợi nhuận công tác TVGS: 51.332.000 Đồng (thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-EVNI-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2017 của Đại hội đồng cổ đông 2017).

DVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ TH/KH
I	Tổng thu nhập	11.618	13.110	112,8%
1	Thu từ hoạt động tài chính	5.368	5.712	
2	Thu từ cho thuê văn phòng	891	751	
3	Thu từ cho thuê đất	18	18	
4	Thu từ dịch vụ tư vấn giám sát	5.340	5.862	
5	Lãi chênh lệch tỷ giá (dự án thủy điện Hạ Sê San 2)		766	
II	Tổng chi phí	10.327	11.413	110,5%
1	Chi phí giá vốn DV TVGS, TVQLDA	4.432	4.766	
	Chi phí thực hiện DV TVGS, TVQLDA	4.432	2.562	
2	Chi phí dịch vụ cho thuê văn phòng	370	349	
3	Chi phí hoạt động SXKD và quản lý dự án	5.525	5.513	
4	Chi phí dự án kết nối lưới điện VN-L-CPC giai đoạn 2015 có xét triển vọng đến 2025.		785	
III	Lợi nhuận trước thuế (III)=(I)-(II)	1.291	1.697	131,4%
VI	Thuế TNDN		533	
V	Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.164	

5. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2017:

Năm 2017, Công ty cổ phần EVN Quốc tế đã dần vượt qua giai đoạn khó khăn, tập thể Ban TGD và CBNV đoàn kết, đồng lòng thực hiện hoàn thành các nội dung sau:

- Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 2: Tiếp tục việc thực hiện theo dõi, quản lý phần vốn góp tại dự án, phối hợp với các cổ đông khác trong Công ty

TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 hoàn thành các mục tiêu tiến độ của dự án. Đến nay dự án triển khai đúng tiến độ tổng thể được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Trong tháng 12/2017 đã phát điện chính thức Tổ máy số 1 và 2 hòa lưới điện truyền tải quốc gia Campuchia. Dự án đầu tư đã có kết quả rõ ràng, khả quan, rủi ro đầu tư được giảm thiểu, cùng với Hợp đồng cổ đông, các Hợp đồng dự án (PPA, IA, LA) đã ký, dự án thi công đáp ứng tiến độ, EVNI đã hoàn thành bước đầu trong việc bảo toàn số chi phí đã thực hiện cho dự án, tuân thủ đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ về việc chuyển toàn bộ số vốn đã thực hiện thành tỷ lệ vốn góp 10% của dự án và tỷ lệ không biến động kể cả khi TMĐT của dự án thay đổi.

- Tìm kiếm công việc, tạo công ăn việc làm: Trong năm 2017, EVNI đã đẩy mạnh hoạt động tham gia đấu thầu các gói thầu Tư vấn giám sát thi công xây lắp công trình đường dây và TBA 220-500kV để tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập và ổn định đời sống CBCNV, chủ động để hoàn thiện năng lực Tư vấn giám sát và đặt mục tiêu phát triển bền vững, tạo nguồn thu nhập ổn định trong khi chờ kết quả kinh doanh của các dự án EVNI đang thực hiện.

- Về chi phí hoạt động của EVNI: Từ đầu năm 2017, Tổng Giám đốc EVNI đã có nhiều chỉ đạo tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm tối ưu hóa chi phí. Với việc chủ động tạo nguồn thu từ công tác TVGS, tuyệt đối không sử dụng vào phần vốn các cổ đông đã góp chưa sử dụng hết, Công ty đã đảm bảo hoàn thành mục tiêu kế hoạch nhiệm vụ trong năm 2017.

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy nhận sự; duy trì bộ máy tổ chức nhân sự gọn nhẹ từ 16 đến 18 người.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Năm 2018, Công ty cổ phần EVN Quốc tế với nhiệm vụ trọng tâm là quản lý phần vốn đã góp vào dự án thủy điện Hạ Sê San 2 và tiếp tục thực hiện thủ tục duy trì hiệu lực của MOU các dự án thủy điện tại Campuchia và Lào, cụ thể:

1. Về quản lý dự án:

a. Dự án thủy điện Hạ Sê San 2 (HPLSS2):

Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ giám sát và quản lý vốn góp vào HPLSS2 dựa trên cơ sở luật pháp Campuchia và theo nguyên tắc bảo toàn phần vốn đã góp. Thực hiện quyền và trách nhiệm thành viên HĐQT, và là Cổ đông nắm giữ 10% cổ phần trong HPLSS2 được quy định trong Điều lệ và Hợp đồng cổ đông của HPLSS2. Bám sát các nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT để giám sát và theo dõi hoạt động quản lý điều hành tại HPLSS2 nhằm đảm bảo tiến độ tổng thể dự án hoàn thành phát điện thương mại trong năm 2018.

b. Đối với các dự án TĐ Hạ Sê San 1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1:

Tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển giao hoặc tham gia góp vốn đầu tư tương tự dự án Hạ Sê San 2.

2. Về công tác TVQLDA và TVGS:

- Hoàn thành công tác TVQLDA dự án điện gió tại tỉnh Bến Tre, bàn giao chủ đầu tư triển khai các bước tiếp theo.

- Bố trí cán bộ tham gia giám sát tại các dự án, hoàn thành các gói thầu TVGS đang thực hiện đúng tiến độ và chất lượng; Nghiệm thu thanh toán và quyết toán các gói thầu hoàn thành.

- Đẩy mạnh công tác TVGS để nâng cao năng lực, tiếp tục đấu thầu tìm kiếm bổ sung các công việc trong năm 2018 và gói đầu công việc cho năm 2019. Theo dõi và chỉ đạo kịp thời việc bố trí cán bộ tham gia giám sát tại các công trình đang thực hiện song song đảm bảo phù hợp với tiến độ thi công tại công trường và yêu cầu của các Chủ đầu tư.

- Giá trị đấu thầu TVGS năm 2018 dự kiến đạt 6 tỷ đồng trong đó: Các gói thầu chuyển tiếp và đã ký hợp đồng cuối năm 2017: 2,8 tỷ đồng; Đấu thầu mới: 3,2 tỷ đồng.

3. Công tác khác:

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông EVNI năm 2018;

- Tiếp tục tổ chức hoạt động sản xuất của EVNI theo mô hình gọn nhẹ, linh hoạt và sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp để đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty trên cơ sở nhiệm vụ công tác năm 2018 nhằm tối ưu hóa chi phí. Phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai các công việc trên cơ sở các mục tiêu đề ra và các Quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 của Công ty, đảm bảo các công việc được kiểm soát và hoàn thành đúng kế hoạch.

- Tiếp tục thực hiện dịch vụ cho thuê văn phòng tại trụ sở công ty.

III. CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

- Đối với Dự án thủy điện Hạ Sê San 2: nhiệm vụ giám sát và quản lý vốn góp vào HPLSS2 dựa trên cơ sở luật pháp Campuchia và theo nguyên tắc bảo toàn phần vốn đã góp. Thực hiện quyền và trách nhiệm thành viên HĐQT, và là Cổ đông nắm giữ 10% cổ phần trong HPLSS2 được quy định trong Điều lệ và Hợp đồng cổ đông của HPLSS2. Bám sát các nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT để giám sát và theo dõi hoạt động quản lý điều hành tại HPLSS2 nhằm đảm bảo tiến độ tổng thể dự án: Đến tháng 12/2018 hoàn thành phát điện thương mại cả 8 tổ máy.

- Đối với các dự án đầu tư khác (Thủy điện Hạ Sê San 1/Se San 5, Sê Kông và Nậm Mô 1): Tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự dự án Hạ Sê San 2.

- Đối với công tác Tư vấn QLDA: Phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn thành thu thập số liệu kết quả đo gió, đánh giá kết quả và bàn giao cho chủ đầu tư theo hợp đồng.



- Đối với công tác TVGS: Đẩy mạnh công tác TVGS để nâng cao năng lực, tiếp tục đấu thầu tìm kiếm bổ sung các công việc trong năm 2018 và gói đầu cho năm 2019. Theo dõi và chỉ đạo kịp thời việc bố trí cán bộ tham gia giám sát tại các công trình đang thực hiện song song đảm bảo phù hợp với tiến độ thi công tại công trường và yêu cầu của các Chủ đầu tư.

- Về mô hình tổ chức và chi phí hoạt động: Tiếp tục mô hình tổ chức gọn nhẹ, linh hoạt và sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp để đáp ứng yêu cầu quản lý của công ty trên cơ sở nhiệm vụ công tác năm 2018 nhằm tối ưu hóa chi phí. Phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai các công việc trên cơ sở các mục tiêu đề ra và các Quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 của Công ty, đảm bảo các công việc được kiểm soát và hoàn thành đúng kế hoạch.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên; 
- Các thành viên HĐQT; BKS;
- Ban TGD;
- Lưu TH, HĐQT. 

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trương Quang Minh





**CÔNG TY CỔ PHẦN
EVN QUỐC TẾ**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần EVN Quốc tế công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần EVN Campuchia được thành lập ngày 01/10/2007 theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019858 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty Cổ phần EVN Campuchia đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 1 vào ngày 21/5/2008, đổi tên thành Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và chuyển trụ sở chính đến Thành phố Đà Nẵng ngày 01/10/2008. Ngày 25/9/2008, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 3203002232. Cho đến hiện nay, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã được điều chỉnh 6 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/05/2016 với mã số doanh nghiệp 0102379203. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường UpCom theo Quyết định số 119/QĐ-SGDHN ngày 20/02/2017 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán EIC. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 28/02/2017

Vốn điều lệ: 366.771.450.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2017: 366.771.450.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Lô 91 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0236.6255656
- Fax: (84) 0236.3633991
- Website: www.evni.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất và truyền tải, kinh doanh mua bán điện trong và ngoài nước;
- Dạy nghề: Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Phát triển và kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp trong và ngoài nước;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: Giám sát thi công xây dựng; Hoàn thiện công trình năng lượng (đường dây và trạm biến áp đến 500KV); Tư vấn hoạt động chuẩn bị sản xuất cho các nhà máy điện; Giám sát thi công xây dựng; Hoàn thiện công trình thủy điện;
- Quản lý dự án; Kinh doanh lâm nghiệp, khai thác mỏ tại Campuchia; Dịch vụ quản lý vận hành các nhà máy điện trong và ngoài nước; Sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị, công trình của các nhà máy điện trong và ngoài nước; Thí nghiệm điện; Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện; Xây dựng, vận hành các công trình điện; Khai thác lâm sản, khai thác mỏ; Xuất khẩu, nhập khẩu điện năng; Nhập khẩu nhiên liệu, nguyên liệu phục vụ sản xuất điện; Khai thác và sản xuất đá, cát, xi măng, gạch các loại, sắt thép.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2017 là 18 người. Trong đó cán bộ quản lý là 6 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|--------------------------|------------|---|
| • Ông Trương Quang Minh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 16/01/2015 |
| • Ông Nguyễn Quang Huy | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 22/04/2013 |
| • Ông Võ Văn Thành | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18/04/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Hương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27/04/2017 |
| • Ông Lê Vũ Ninh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 11/7/2017 |
| • Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 22/04/2013
Miễn nhiệm ngày 24/3/2017 |
| • Ông Hoàng Xuân Quý | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16/01/2015
Miễn nhiệm 16/6/2017 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-----------------------|------------|--|
| • Bà Đinh Hải Ninh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 27/4/2017 |
| • Ông Đồng Quốc Cường | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 22/04/2013 |
| • Bà Vũ Hương Trà | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27/4/2017 |
| • Bà Nguyễn Thị Hương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18/04/2014
Miễn nhiệm ngày 27/04/2017 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|---------------------|---|
| • Ông Trương Quang Minh | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 16/01/2015 |
| • Ông Lê Vũ Ninh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 11/7/2017 |
| • Ông Hoàng Xuân Quý | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 16/01/2015 |
| | Kiểm Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 01/08/2011
Miễn nhiệm ngày 11/7/2017 |
| • Phạm Thị Thùy | Phụ trách Kế toán | Bổ nhiệm ngày 11/07/2017 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Trương Quang Minh

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 1.62/2018/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28/02/2018, từ trang 6 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như trình bày tại điểm (a), (b) của Thuyết minh số 28, biên bản ghi nhớ về nghiên cứu khả thi (MoU) của dự án thủy điện SeKong tại Vương quốc Campuchia và dự án thủy điện Nậm Mô 1 tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào không tiếp tục được gia hạn. Tuy nhiên, giá trị đầu tư thực tế của các dự án trên tính đến thời điểm 31/12/2016 là 15.888.141.751 đồng (Dự án thủy điện SeKong: 8.720.911.108 đồng; Dự án thủy điện Nậm Mô 1: 7.167.230.643 đồng) vẫn còn phản ánh tại khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang". Hiện nay, Công ty đang đề nghị chính phủ Lào cho phép ký hợp đồng phát triển dự án (PDA) mà không cần gia hạn MoU để tiếp tục thực hiện dự án Nậm Mô 1. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đang tìm kiếm các đối tác để cùng hợp tác hoặc chuyển giao dự án thủy điện Sekong

và Năm Mô 1. Do đó, việc Công ty có thu hồi được các khoản chi phí đã đầu tư hay không còn tùy thuộc vào kết quả của quá trình đàm phán, hợp tác hoặc chuyển giao 2 dự án nêu trên.

- Như trình bày tại Thuyết minh số 28, Biên bản ghi nhớ về nghiên cứu khả thi Thủy điện Hạ Sê san1/ Sê San 5 tại Vương Quốc Campuchia đã hết hiệu lực vào ngày 30/06/2016, tổng giá trị đã thực hiện của dự án là 24.258.325.211 đồng. Ngày 21/09/2017, Công ty đã có công văn số 186/CV-EVNI-TH gửi Bộ Mô và Năng lượng (MME) thuộc Vương quốc Campuchia đề nghị gia hạn MoU đến 30/09/2018. Hiện nay, các bên đang trong quá trình thương lượng về mức phí phải đóng cho MME để được gia hạn.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Trần Vũ Nguyên Hà – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2333-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 - DN
 Ban hành theo Thông tư
 số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		88.853.069.182	93.054.905.540
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.012.897.897	813.018.811
1. Tiền	111		112.897.897	63.018.811
2. Các khoản tương đương tiền	112		900.000.000	750.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		77.683.000.000	75.178.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	77.683.000.000	75.178.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.105.773.795	8.400.226.000
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.921.685.375	351.063.000
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.184.088.420	8.049.163.000
IV. Hàng tồn kho	140		189.471.805	2.393.729.021
1. Hàng tồn kho	141	9	189.471.805	2.393.729.021
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.861.925.685	6.269.931.708
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	110.385.756	31.335.394
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.342.882.529	5.829.938.914
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		408.657.400	408.657.400
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		317.133.501.832	315.027.967.742
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		45.840.246.680	46.203.148.677
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	7.704.246.680	8.067.148.677
- Nguyên giá	222		13.249.531.754	13.544.091.334
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.545.285.074)	(5.476.942.657)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	38.136.000.000	38.136.000.000
- Nguyên giá	228		38.174.721.745	38.174.721.745
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(38.721.745)	(38.721.745)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		40.146.466.962	37.678.030.875
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	40.146.466.962	37.678.030.875
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		231.146.788.190	231.146.788.190
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	231.146.788.190	231.146.788.190
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		405.986.571.014	408.082.873.282


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		30.124.186.414	32.566.229.320
I. Nợ ngắn hạn	310		30.124.186.414	32.566.229.320
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15a	28.387.183.394	31.465.961.103
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16a	297.720.591	427.042.962
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	562.979.401	86.894.624
4. Phải trả người lao động	314		802.459.689	577.330.631
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	4.311.339	9.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		11.000.000	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		58.532.000	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		375.862.384.600	375.516.643.962
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	375.862.384.600	375.516.643.962
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	366.771.450.000	366.771.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		366.771.450.000	366.771.450.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	766.890.760
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	9.090.934.600	7.978.303.202
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.978.303.202	7.027.625.850
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.112.631.398	950.677.352
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		405.986.571.014	408.082.873.282

Tổng Giám đốc

Trương Quang Minh

Phụ trách kế toán

Phạm Thị Thủy

Người lập biểu

Nguyễn Thị Mai Hương

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	6.612.669.156	2.121.620.529
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		6.612.669.156	2.121.620.529
4. Giá vốn hàng bán	11	21	5.115.379.667	1.419.042.500
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		1.497.289.489	702.578.029
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	6.478.810.164	5.776.417.034
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	5.492.277.661	5.239.877.588
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.483.821.992	1.239.117.475
11. Thu nhập khác	31	24	18.494.318	14.546.157
12. Chi phí khác	32	25	805.478.539	-
13. Lợi nhuận khác	40		(786.984.221)	14.546.157
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.696.837.771	1.253.663.632
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	532.874.373	302.986.280
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.163.963.398	950.677.352
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	30	26
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		30	26

Tổng Giám đốc



Trương Quang Minh

Phụ trách kế toán

Phạm Thị Thủy

Người lập biểu

Nguyễn Thị Mai Hương

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 03 - DN
 Ban hành theo Thông tư
 số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.696.837.771	1.253.663.632
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định và BĐSĐT	02	11	362.901.997	604.098.816
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.711.919.404)	(5.776.417.034)
- Điều chỉnh khác	06		(766.890.760)	-
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		(4.419.070.396)	(3.918.654.586)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(769.500.497)	(341.389.743)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	8	2.204.257.216	(783.157.596)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.630.631.971)	(4.755.173.556)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(79.050.362)	(36.665)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(402.817.308)	(208.742.410)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		15.700.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(8.500.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.089.613.318)	(10.007.154.556)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6	(82.183.000.000)	(25.178.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6	79.678.000.000	31.800.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8; 22	8.794.492.404	2.925.922.034
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.289.492.404	9.547.922.034
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	18		(9.148)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(9.148)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		199.879.086	(459.241.670)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	813.018.811	1.272.260.481
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	1.012.897.897	813.018.811



Tổng Giám đốc
Trương Quang Minh

Phụ trách kế toán

[Signature]
Phạm Thị Thủy

Người lập biểu

[Signature]
Nguyễn Thị Mai Hương

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động**1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần EVN Campuchia được thành lập ngày 01/10/2007 theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019858 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty Cổ phần EVN Campuchia đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 1 vào ngày 21/5/2008, đổi tên thành Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và chuyển trụ sở chính đến Thành phố Đà Nẵng ngày 01/10/2008. Ngày 25/9/2008, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203002232. Cho đến hiện nay, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã được điều chỉnh 6 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/05/2016 với mã số doanh nghiệp 0102379203. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Quản lý dự án.**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất và truyền tải, kinh doanh mua bán điện trong và ngoài nước;
- Dạy nghề: Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Phát triển và kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp trong và ngoài nước;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: Giám sát thi công xây dựng; Hoàn thiện công trình năng lượng (đường dây và trạm biến áp đến 500KV); Tư vấn hoạt động chuẩn bị sản xuất cho các nhà máy điện; Giám sát thi công xây dựng; Hoàn thiện công trình thủy điện;
- Quản lý dự án; Kinh doanh lâm nghiệp, khai thác mỏ tại Campuchia; Dịch vụ quản lý vận hành các nhà máy điện trong và ngoài nước; Sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị, công trình của các nhà máy điện trong và ngoài nước; Thí nghiệm điện; Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện; Xây dựng, vận hành các công trình điện; Khai thác lâm sản, khai thác mỏ; Xuất khẩu, nhập khẩu điện năng; Nhập khẩu nhiên liệu, nguyên liệu phục vụ sản xuất điện; Khai thác và sản xuất đá, cát, xi măng, gạch các loại, sắt thép.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối năm tài chính đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Máy móc, thiết bị	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Quyền sử dụng Website	Đã khấu hao hết
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông góp vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.13 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động tư vấn, giám sát thi công xây dựng và cho thuê văn phòng.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt	17.527.000	15.085.000
Tiền gửi ngân hàng	95.370.897	47.933.811
Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng	900.000.000	750.000.000
Cộng	1.012.897.897	813.018.811

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng	77.683.000.000	75.178.000.000
Cộng	77.683.000.000	75.178.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty cổ phần tư vấn Xây dựng điện 3	1.037.242.661	-
Tổng Công ty phát điện 1	14.174.056	-
Công ty truyền tải điện 2	15.097.500	351.063.000
Ban quản lý các công trình điện Miền trung	66.171.158	
Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	789.000.000	
Cộng	1.921.685.375	351.063.000

8. Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	4.168.090.000	-	7.250.663.000	-
Công đoàn Công ty CP EVN Quốc tế	5.000.000	-	9.000.000	-
Chi chờ xử lý (*)	-	-	784.500.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.368.420	-	5.000.000	-
Tạm ứng	6.630.000	-	-	-
Cộng	4.184.088.420	-	8.049.163.000	-

9. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SX, KD dở dang	189.471.805	-	2.393.729.021	-
+ Tư vấn quản lý dự án	55.151.678	-	148.041.328	-
+ Tư vấn giám sát	134.320.127	-	2.245.687.693	-
Cộng	189.471.805	-	2.393.729.021	-

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí sửa chữa cải tạo nhà điều hành	82.607.824	-
Chi phí bảo hiểm xe ô tô, trụ sở Công ty	27.777.932	31.335.394
Cộng	110.385.756	31.335.394

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	9.468.469.952	297.272.727	3.342.007.200	436.341.455	13.544.091.334
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	294.559.580	294.559.580
Số cuối kỳ	9.468.469.952	297.272.727	3.342.007.200	141.781.875	13.249.531.754
Khấu hao					
Số đầu kỳ	1.560.105.938	145.778.135	3.342.007.200	429.051.384	5.476.942.657
Khấu hao trong kỳ	325.809.710	29.802.216	-	7.290.071	362.901.997
Giảm trong kỳ	-	-	-	294.559.580	294.559.580
Số cuối kỳ	1.885.915.648	175.580.351	3.342.007.200	141.781.875	5.545.285.074
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	7.908.364.014	151.494.592	-	7.290.071	8.067.148.677
Số cuối kỳ	7.582.554.304	121.692.376	-	-	7.704.246.680

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 3.529.096.984 đồng.
- Không có TSCĐ đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại 31/12/2017.
- Không có tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý.
- Không có các cam kết về mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất(*) VND	Quyền sử dụng Website VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	38.136.000.000	38.721.745	38.174.721.745
Mua trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	38.136.000.000	38.721.745	38.174.721.745
Khấu hao			
Số đầu kỳ	-	38.721.745	38.721.745
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	-	38.721.745	38.721.745
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	38.136.000.000	-	38.136.000.000
Số cuối kỳ	38.136.000.000	-	38.136.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

(* Là quyền sử dụng đất lâu dài tại Lô 91 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng với diện tích là 2.542,4m². Công ty sử dụng làm trụ sở làm việc và cho thuê văn phòng.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 38.721.745 đồng.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017	01/01/2017
Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5	24.258.325.211	22.468.868.806
Dự án thủy điện SeKong	8.720.911.108	8.287.575.321
Dự án thủy điện Nậm Mô 1	7.167.230.643	6.921.586.748
Cộng	40.146.466.962	37.678.030.875

Số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2017 đang trình bày trên báo cáo tài chính đã bao gồm phần thuế GTGT đầu vào của các dự án và chi phí quản lý dự án do chính Công ty thực hiện, chi tiết như sau:

Dự án	Địa điểm	Thuế GTGT đầu vào	Chi phí quản lý dự án (*)	Chi phí thuê đơn vị tư vấn	Tổng
Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5	Campuchia	1.789.456.405	5.191.997.418	17.276.871.388	24.258.325.211
Dự án thủy điện SeKong	Campuchia	433.335.787	980.578.985	7.306.996.336	8.720.911.108
Dự án thủy điện Nậm Mô 1	Lào	245.643.895	2.017.510.391	4.904.076.357	7.167.230.643
Cộng		2.468.436.087	8.190.086.794	29.487.944.081	40.146.466.962

(* Chi phí quản lý dự án bao gồm các chi phí như: tiền thuê văn phòng Công ty tại Việt Nam được phân bổ; chi phí thuê văn phòng tại khu vực dự án làm văn phòng quản lý, điều hành dự án; chi phí khấu hao tài sản cố định (phương tiện, máy móc) phục vụ điều hành dự án; chi phí nhiên liệu, công cụ dụng cụ tham gia trực tiếp công tác điều hành dự án; chi phí tiền lương cán bộ, nhân viên tham gia quản lý dự án; chi phí mua vé máy bay, vé xe cho cán bộ, nhân viên đi công tác, chi phí tiếp khách, tổ chức hội họp liên quan đến dự án.

Cơ sở pháp lý để Công ty hạch toán các chi phí trên vào chi phí quản lý dự án như sau:

- Khoản 1, Điều 3, chương III tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty nêu rõ: “Đầu tư, quản lý dự án công trình thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 và Hạ Sê San 2 và các dự án điện lực khác tại Campuchia”;
- Tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Công ty (đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 21 tháng 01 năm 2015), Mục 3 - Ngành, nghề kinh doanh, nội dung thứ 5, ghi rõ “quản lý dự án”.
- Từ khi thành lập đến nay, Công ty hoạt động với nhiệm vụ chính là nghiên cứu đầu tư các dự án, theo hướng dẫn tại Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2007, Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2009 của Chính phủ và các quy định hiện hành về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, trong đó chi phí quản lý dự án là một hạng mục chi phí bao gồm các chi phí để tổ chức thực hiện quản lý dự án từ khi lập dự án đến khi hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng. Chi phí này nhằm mục đích để chủ đầu tư thuê tư vấn thực hiện nhiệm vụ tư vấn quản lý dự án. Ở đây, Công ty đủ năng lực thực hiện nên đã tổ chức tự thực hiện nhiệm vụ. Công ty phải phân bổ các chi phí quản lý cho các dự án đang được nghiên cứu đầu tư nhằm phản ánh đầy đủ chi phí hình thành tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Nguyên tắc “phù hợp” được quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 “Chuẩn mực chung” có nêu: “Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó”.

14. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017	01/01/2017
Đầu tư tài chính dài hạn khác		
- Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 (*)	231.146.788.190	231.146.788.190
Cộng	231.146.788.190	231.146.788.190

(*) Nghị quyết số 03/NQ-EVNI-ĐHĐCĐ ngày 09/11/2012 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần EVN Quốc tế thống nhất thông qua chủ trương đầu tư dự án thủy điện Hạ Sê San 2, trong đó điều chỉnh tỷ lệ góp vốn thực hiện dự án từ 51% xuống tỷ lệ 10% vốn chủ sở hữu của dự án. Số vốn góp là toàn bộ chi phí thực hiện của dự án thủy điện Hạ Sê San 2 và đường dây đầu nối nhà máy thủy điện Hạ Sê San 2 vào hệ thống lưới điện khu vực đến thời điểm hoàn tất bàn giao các hồ sơ dự án cho công ty dự án và quyết toán chi phí thực hiện.

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần EVN Quốc tế đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-EVNI-ĐHĐCĐ ngày 30/08/2013 về việc thông qua quyết toán chi phí thực hiện dự án thủy điện Hạ Sê San 2 với giá trị 231.146.788.190 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT). Giá trị quyết toán 231.146.788.190 đồng của dự án thủy điện Hạ Sê San 2 và đường dây đầu nối nhà máy thủy điện Hạ Sê San 2 vào hệ thống lưới điện khu vực được Đại hội cổ đông EVNI thông qua bao gồm:

- Chi phí thuê các đơn vị tư vấn triển khai nghiên cứu, khảo sát, thiết kế,... : 182.545.284.919 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 48.601.503.271 đồng.

Căn cứ vào thỏa thuận giữa các thành viên góp vốn vào Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 (Thuyết minh chi tiết tại mục 28 “Các khoản đầu tư và sự kiện liên quan”); Thực hiện Nghị quyết phê duyệt giá trị chi phí thực hiện dự án của Đại hội cổ đông, Công ty đã ghi sổ kế toán nghiệp vụ góp vốn vào Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 tại Campuchia với giá trị 231.146.788.190 đồng.

Người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần EVN Quốc tế tại Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 đã tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông năm 2017 của Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 ngày 04/05/2017. Đại hội đồng cổ đông Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 đã thông qua một số nội dung chủ yếu như sau:

1/ Thông qua tình hình thực hiện vốn năm 2016: Trong năm 2016, dự án đã chi trả 156,46 triệu USD, nâng tổng số vốn giải ngân từ khi bắt đầu thi công đến nay là 464,48 triệu USD.

2/ Thông qua kế hoạch công tác và đầu tư năm 2017 với tổng chi phí dự kiến là 171,391 triệu USD.

3/ Thông qua báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán PricewaterhouseCoopers Campuchia. Đến ngày 31/12/2016, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: USD	
	31/12/2016	
Tổng tài sản	500.050.276	
Tổng nợ phải trả	363.631.267	
Vốn chủ sở hữu do cổ đông góp	136.419.009	
+ <i>Vốn cổ phần</i>	1.000.000	
+ <i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	121.063.200	
+ <i>Dự trữ pháp định</i>	100.000	
+ <i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	14.255.809	

Đến nay, tiến độ phát điện của dự án thủy điện Hạ Sê San 2 đảm bảo theo kế hoạch của ĐHĐCĐ của Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2: Tổ máy 1 hoàn thành và khởi động vào ngày 28/11/2017 (vượt tiến độ 01 tháng). Ngày 09/12/2017 phát điện chính thức tổ máy 1; ngày 30/12/2017 phát điện chính thức tổ máy 2, hòa lưới điện truyền tải quốc gia Campuchia.

Tổ máy 3: Đang lắp đặt hệ thống hướng nước tuốc bin, côn ống xả tuốc bin và tổ hợp rotor. Dự kiến hoàn thành phát điện cuối tháng 03/2018. Các tổ máy còn lại (số 4-5-6-7-8): Đang triển khai song song giữa lắp đặt thiết bị cơ điện và công tác đổ bê tông khối pha 2 cho các vị trí lắp đặt thiết bị và dự kiến hoàn thành vào tháng 10/2018.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2.

15. Phải trả người bán**a. Ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1	27.145.750.522	30.048.374.522
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2	704.802.581	908.086.581
Viện năng lượng	509.500.000	509.500.000
Phải trả khác	27.130.291	-
Cộng	28.387.183.394	31.465.961.103

16. Người mua trả tiền trước**a. Ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 3	-	251.384.962
Ban quản lý dự án các công trình Điện Miền Trung	297.720.591	175.658.000
Cộng	297.720.591	427.042.962

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	-	455.846.832	109.819.120	346.027.712
Thuế thu nhập doanh nghiệp	86.894.624	532.874.373	402.817.308	216.951.689
Thuế thu nhập cá nhân	-	61.869.452	61.869.452	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	13.385.736	13.385.736	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	86.894.624	1.066.976.393	590.891.616	562.979.401

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí tiền điện	4.311.339	9.000.000
Cộng	4.311.339	9.000.000

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2016	366.771.459.148	766.890.760	7.027.625.850
Tăng trong năm	-	-	950.677.352
Giảm trong năm	9.148	-	-
Số dư tại 31/12/2016	366.771.450.000	766.890.760	7.978.303.202
Số dư tại 01/01/2017	366.771.450.000	766.890.760	7.978.303.202
Tăng trong năm	-	-	1.163.963.398
Giảm trong năm	-	766.890.760	51.332.000
Số dư tại 31/12/2017	366.771.450.000	-	9.090.934.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.677.145	36.677.145
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.677.145	36.677.145
- Cổ phiếu phổ thông	36.677.145	36.677.145
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.677.145	36.677.145
- Cổ phiếu phổ thông	36.677.145	36.677.145
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	7.978.303.202	7.027.625.850
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	1.163.963.398	950.677.352
Phân phối lợi nhuận	51.332.000	-
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	51.332.000	-
- Trích quỹ quỹ khen thưởng, phúc lợi	51.332.000	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	9.090.934.600	7.978.303.202

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu dịch vụ tư vấn giám sát, tư vấn quản lý dự án	5.862.087.338	959.438.710
Doanh thu cho thuê văn phòng	750.581.818	1.162.181.819
Cộng	6.612.669.156	2.121.620.529

21. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn dịch vụ tư vấn giám sát, tư vấn quản lý dự án	4.766.405.690	873.506.874
Giá vốn cho thuê văn phòng	348.973.977	545.535.626
Cộng	5.115.379.667	1.419.042.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.711.919.404	5.776.417.034
Lãi chênh lệch tỷ giá (Dự án Thủy điện Hạ Sê san 2)	766.890.760	-
Cộng	6.478.810.164	5.776.417.034

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	102.395.298	141.651.626
Lương và các khoản trích theo lương	3.150.617.000	2.836.722.014
Chi phí khấu hao tài sản cố định	203.187.118	354.815.096
Chi phí dịch vụ mua ngoài (phí kiểm toán, phí dịch vụ bảo vệ, sửa chữa cải tạo nhà, phí bảo hiểm xe ô tô...)	714.777.951	530.637.429
Chi phí bằng tiền khác (công tác phí, phí lệ phí, ăn ca, tiếp khách, hội họp,...)	1.321.300.294	1.376.051.423
Cộng	5.492.277.661	5.239.877.588

24. Thu nhập khác

	Năm 2017	Năm 2016
Thu tiền cho thuê đất	18.181.818	14.546.157
Các khoản khác	312.500	-
Cộng	18.494.318	14.546.157

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017	Năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.696.837.771	1.253.663.632
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	967.534.095	261.267.769
Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ khi tính thuế TNDN)	967.534.095	261.267.769
- Thù lao HĐQT, BKS kiêm nhiệm	160.500.000	168.000.000
- CP khấu hao xe ô tô phần nguyên giá vượt 1,6 tỷ đồng	-	91.794.084
- CP QLDA lập ĐA kết nối lưới điện VN-Lào-Campuchia	784.500.000	-
- Chi phí phạt thuế	20.978.539	-
- Chi phí thuế Thu nhập cá nhân	1.555.556	1.473.685
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	2.664.371.866	1.514.931.401
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	532.874.373	302.986.280

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.163.963.398	950.677.352
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(51.332.000)	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (quỹ khen thưởng phúc lợi)	51.332.000	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.112.631.398	950.677.352
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	36.677.145	36.677.145
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	26

27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	181.630.059	205.830.730
Chi phí nhân công	4.324.150.314	3.448.485.631
Chi phí khấu hao tài sản cố định	362.901.997	604.098.816
Chi phí dịch vụ mua ngoài	910.271.459	859.277.351
Chi phí khác bằng tiền	2.624.446.283	2.324.385.156
Cộng	8.403.400.112	7.442.077.684

28. Các khoản đầu tư và sự kiện liên quan

Theo Quyết định số 110/2007/QĐ-TTg ngày 18/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006-2015 có xét đến năm 2025 và Quyết định số 1028/QĐ-TTg ngày 21/7/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030. Căn cứ theo Công văn số 5239/CV-EVN-TCCB&ĐT ngày 04/10/2007 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam thì công tác quản lý dự án các công

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

trình dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5, Hạ Sê San 2 và lưới điện đồng bộ tại Campuchia được giao cho Công ty Cổ phần EVN Campuchia (nay là Công ty Cổ phần EVN Quốc tế - EVNI) tiếp tục thực hiện các công tác quản lý dự án, đầu tư xây dựng. Quá trình thực hiện các dự án này đến 31/12/2017 được tóm tắt như sau:

- Biên bản ghi nhớ về nghiên cứu khả thi của dự án (sau đây gọi tắt là "MoU") của dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 tại Vương quốc Campuchia đã hết hiệu lực vào ngày 30/06/2013. Tổng giá trị đã thực hiện của dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 là 24.258.325.211 đồng. Ngày 16/06/2016, Công ty đã có công văn số 115/CV-EVNI-TH gửi Bộ Mỏ và Năng lượng (MME) thuộc Vương quốc Campuchia đề nghị gia hạn MoU đến 30/06/2018. Ngày 05/10/2016, Bộ Mỏ và Năng lượng (MME) thuộc Vương quốc Campuchia đã có văn bản số 1135 GDE gửi đến Công ty yêu cầu nộp một khoản lệ phí công (public fee) với mức 90.000.000 Riel/năm (khoảng 548 triệu đồng/năm) để được gia hạn. Ngày 21/09/2017, Công ty đã có công văn số 186/CV-EVNI-TH đề nghị MME gia hạn MoU đến 30/09/2018 và xem xét miễn giảm khoản phí gia hạn do đặc thù của dự án nằm trên biên giới Việt Nam và Campuchia trong đó phần diện tích mặt hồ 50% thuộc Campuchia và 50% thuộc Việt Nam. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, phía MME chưa có ý kiến trả lời đối với đề nghị của Công ty.
- Đối với Dự án thủy điện Hạ Sê San 2 và đường dây đầu nối: Theo Biên bản làm việc ngày 28/8/2012, biên bản thỏa thuận ngày 05/11/2012 giữa EVNI, Công ty TNHH Royal Group và Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 (là pháp nhân do 2 bên góp vốn thành lập để thực hiện đầu tư và phát triển dự án thủy điện Hạ Sê san 2, gọi tắt là công ty dự án), các bên đã chấp thuận EVNI tham gia 10% vốn chủ sở hữu trong dự án thủy điện Hạ Sê San 2 cũng như trong công ty dự án (tỷ lệ 10% này là cố định đối với mọi sự tăng, giảm của tổng mức đầu tư và/hoặc vốn chủ sở hữu thực hiện của dự án và/hoặc Công ty dự án và không thay đổi trong toàn bộ vòng đời của công ty dự án). Số vốn góp được xác định tương ứng với toàn bộ các công việc mà EVNI đã thực hiện cho dự án. Theo đó, EVNI phải chuyển giao tất cả các tài liệu, kế hoạch, nghiên cứu khả thi, hồ sơ kỹ thuật đã hoàn thành của dự án cho công ty dự án. Ngày 5/11/2012, EVNI đã bàn giao tất cả các tài liệu nêu trên cho Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2.

Đại hội đồng cổ đông EVNI cũng đã có Nghị quyết số 03/NQ-EVNI-ĐHĐCĐ ngày 09/11/2012 thống nhất điều chỉnh giảm tỷ lệ góp vốn thực hiện dự án thủy điện Hạ Sê San 2 từ 51% xuống 10% vốn chủ sở hữu của dự án. Ngày 30/8/2013, Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-EVNI-ĐHĐCĐ thông qua quyết toán chi phí thực hiện dự án thủy điện Hạ Sê San 2 với số tiền 231.146.788.190 đồng.

Căn cứ thỏa thuận giữa EVNI, Công ty TNHH Royal Group và Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 về việc công nhận 10% vốn của Công ty trong Công ty Dự án, căn cứ hồ sơ chuyển giao tất cả các tài liệu, kế hoạch, nghiên cứu khả thi, hồ sơ kỹ thuật đã hoàn thành của dự án cho công ty dự án, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty đã hoàn thành các nghĩa vụ thỏa thuận đối với Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2, do đó Công ty đã sở hữu 10% vốn chủ sở hữu tại Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2. Giá trị góp vốn vào Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 hiện ghi nhận bằng giá trị chi phí thực hiện của dự án thủy điện Hạ Sê San 2 đã được Đại hội cổ đông phê duyệt là 231.146.788.190 đồng.

Ngày 22/01/2014, Công ty TNHH Hydrolancang International Energy Cayman (HIEC), Công ty TNHH Royal Group (RG) và Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) đã ký thỏa thuận cổ đông của Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2. Thỏa thuận cổ đông xác nhận rằng EVNI đã đóng góp số vốn tương ứng 10% vốn chủ sở hữu của dự án thủy điện Hạ Sê San 2 vào ngày của thỏa thuận này. Vốn chủ sở hữu sẽ bao gồm khoản vốn góp trong quá khứ của EVNI và RG và khoản vốn góp trong tương lai của HIEC và RG. HIEC và RG sẽ góp vốn chủ sở hữu trong tương lai dựa trên giá trị mỗi cổ phần là 1.000 USD theo quy định của Điều lệ công ty.

Do các cổ đông RG và HIEC đang thực hiện góp vốn chủ sở hữu theo tiến độ của dự án nên đến thời điểm 31/12/2017, các bên chưa xác định được giá trị vốn chủ sở hữu cuối cùng của dự án thủy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

điện Hạ Sê San 2 (cũng là giá trị vốn chủ sở hữu cuối cùng của Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2), để từ đó xác định giá trị vốn góp của EVNI trong Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2.

Ngoài ra, EVNI đã triển khai nghiên cứu dự án thủy điện Sê Kong tại Vương quốc Campuchia và dự án thủy điện Nậm Mô 1 tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Quá trình triển khai nghiên cứu khả thi các dự án này đến 31/12/2017 được tóm tắt như sau:

- (a) Dự án thủy điện Sê Kông: Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-EVN-HĐQT EVNI ngày 21/4/2013 của Hội đồng quản trị về việc tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc tham gia góp vốn tương ứng với giá trị bỏ ra (tương tự như dự án Hạ Sê San 2), tháng 10/2014, Công ty đã làm việc với World Harvest Trading Ltd (đơn vị tư vấn). Hai bên thống nhất sẽ thỏa thuận liên doanh với Royal Group để thành lập công ty dự án sau khi thủy điện Hạ Sê San 2 khởi công (Quý 1/2015).

MoU của dự án thủy điện Sê Kông tại Vương quốc Campuchia hết hiệu lực vào ngày 30/06/2013. Ngày 21/05/2013, EVNI đã có công văn số 21/CV-EVNI-HTQT gửi Bộ Công nghiệp, Mỏ và Năng lượng (MIME) thuộc Vương quốc Campuchia đề nghị gia hạn MoU đến 30/06/2014. Ngày 10/09/2013, MIME đã có công văn số 2335MIME về việc không tiếp tục gia hạn MoU trên do dự án ảnh hưởng lớn đến môi trường, xã hội và nguồn cá trong khu vực. Tổng giá trị đã thực hiện của dự án thủy điện Sê Kông là 8.720.911.108 đồng (trong đó, chi phí đầu tư là 8.287.575.321 đồng, VAT tương ứng là 433.335.787 đồng). Ngày 18/10/2017, EVNI đã có công văn số 202/CV-EVNI-TH gửi MIME về việc đề nghị hỗ trợ tìm kiếm đối tác chuyển giao dự án thủy điện Sê Kông để thu hồi chi phí đã bỏ ra.

- (b) MoU (gia hạn lần cuối) của dự án thủy điện Nậm Mô 1 hết hiệu lực vào ngày 04/06/2013. Ngày 05/03/2013, EVNI đã có công văn số 16/CV-EVNI-KT gửi Bộ Năng lượng và Mỏ của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đề nghị gia hạn MoU đến tháng 12 năm 2013. Tháng 11/2013, Bộ Năng lượng và Mỏ (Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào) có văn bản số 3009/MPI.IPD4 phúc đáp EVNI về việc không tiếp tục gia hạn MoU. Tổng giá trị đã thực hiện của dự án thủy điện Nậm Mô 1 là 7.167.230.643 đồng (trong đó, chi phí đầu tư là 6.921.586.748 đồng, VAT tương ứng là 245.643.895 đồng).

Xét thấy nguyên nhân dự án không được tiếp tục gia hạn là do Bộ Năng lượng và Mỏ của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào chậm xem xét Báo cáo nghiên cứu khả thi (Báo cáo nghiên cứu khả thi được Công ty nộp lên Bộ Năng lượng và Mỏ tháng 11/2012 nhưng đến tháng 5/2013 phía Lào mới tổ chức họp và sơ bộ thông qua), Công ty đã báo cáo Đại sứ quán Việt Nam tại Lào để được hỗ trợ cũng như có các công văn đề nghị Bộ Năng lượng và Mỏ tiếp tục cho phép Công ty được gia hạn MoU hoặc được thực hiện giai đoạn kế tiếp là ký PDA (Hợp đồng phát triển dự án) mà không cần gia hạn MoU. Cho đến nay, Công ty chưa nhận được phản hồi từ phía Chính phủ Lào. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị Công ty ban hành Nghị quyết số 04/NQ-EVN-HĐQT EVNI ngày 07/9/2013, giao cho Ban điều hành tìm kiếm đối tác để hợp tác đầu tư hoặc chuyển giao dự án để thu hồi phần chi phí dự án đã bỏ ra. Trong năm 2017, EVNI đã gửi công văn số 182/CV-VENI-TH đến các đối tác ở Lào để tìm kiếm cơ hội hợp tác và chuyển giao dự án.

29. Quản lý rủi ro**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch phải trả nhà cung cấp có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, các dịch vụ liên quan đến nhà cung cấp nước ngoài chiếm tỷ trọng nhỏ trong chi phí dịch vụ đầu vào nên Công ty cho rằng rủi ro về tỷ giá là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước và nước ngoài để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là các công ty thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền kịp thời, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	28.387.183.394	-	28.387.183.394
Chi phí phải trả	4.311.339	-	4.311.339
Phải trả khác	11.000.000	-	11.000.000
Cộng	28.402.494.733	-	28.402.494.733
01/01/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	31.465.961.103	-	31.465.961.103
Chi phí phải trả	9.000.000	-	9.000.000
Cộng	31.474.961.103	-	31.474.961.103

Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31/12/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.012.897.897	-	1.012.897.897
Phải thu khách hàng	1.921.685.375	-	1.921.685.375
Đầu tư tài chính	77.683.000.000	231.146.788.190	308.829.788.190
Phải thu khác	4.177.458.420	-	4.177.458.420
Cộng	84.795.041.692	231.146.788.190	315.941.829.882

01/01/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	813.018.811	-	813.018.811
Phải thu khách hàng	351.063.000	-	351.063.000
Đầu tư tài chính	75.178.000.000	231.146.788.190	306.324.788.190
Phải thu khác	7.264.663.000	-	7.264.663.000
Cộng	83.606.744.811	231.146.788.190	314.753.533.001

30. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với bộ phận khác. Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là là Quản lý dự án và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

31. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 2	Công ty đầu tư
Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 3	Công ty đầu tư
Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 4	Công ty đầu tư
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần An Bình	Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

	Năm 2017	Năm 2016
Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 3		
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn giám sát	1.425.067.782	640.290.528
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	772.672.000	767.893.000
Thu nhập Hội đồng quản trị	90.000.000	97.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư khác với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Ngân hàng TMCP An Bình		
+ Tiền gửi thanh toán	46.795.379	9.737.509
+ Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng	900.000.000	750.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	461.000.000	178.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	37.222.000.000	5.000.000.000

32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

33. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi AAC.



Trương Quang Minh

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 03 năm 2018

Phụ trách kế toán

Phạm Thị Thủy

Người lập biểu

Nguyễn Thị Mai Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN
EVN QUỐC TẾ
Số 01/BC-EVNI-BKS



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 5 năm 2018

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018

Công ty cổ phần EVN Quốc tế

Căn cứ:

- Chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần EVN quốc tế (sau đây gọi tắt là EVNI).
- Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC; Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát năm 2017.

Ban Kiểm soát EVNI kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 kết quả kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát đối với các mặt hoạt động của EVNI trong năm 2017 như sau:

I. Kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của EVNI năm 2017.

1. Về công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Các Báo cáo tài chính năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC

Ý kiến của kiểm toán viên về các Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty có 02 ý kiến ngoại trừ (năm 2016 là 4 ý kiến ngoại trừ). Ngoại trừ ảnh hưởng của 2 ngoại trừ, báo cáo tài chính năm 2017 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm 2017, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

02 khuyến nghị Ban Kiểm soát đề nghị ĐHĐCĐ xem xét xử lý trong năm 2017 đã được HĐQT ban hành Nghị quyết để Công ty thực hiện, gồm:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh liên quan trực tiếp đến dự án thủy điện Hạ Sê San 2, số tiền 766.890.760 đồng đã được phản ánh vào kết quả kinh doanh trong kỳ

(doanh thu hoạt động tài chính) (NQ 07).

- Chi phí tư vấn lập đề án “Kết nối lưới điện Việt Nam – Lào – Campuchia giai đoạn đến 2015 có xét triển vọng đến năm 2025” phát sinh từ năm 2009, số tiền 784.500.000 đồng đã được ghi nhận vào chi phí trong kỳ (NQ 08).

Chênh lệch từ hai khoản mục trên là -17.609.240 đồng (giảm lợi nhuận năm)

2. Về Công tác sản xuất kinh doanh và tài chính

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu trong năm 2017 như sau:

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2016	Năm 2017		% KH	Tăng giảm so với năm 2016	Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,122	6,231	6,613	106%	212%	
<i>Doanh thu dịch vụ tư vấn giám sát, tư vấn QLDA</i>	959	5,340	5,862	110%	511%	
<i>Doanh thu cho thuê văn phòng</i>	1,162	891	751	84%	-35%	Doanh thu giảm so A Vương trả lại mặt bằng
Giá vốn hàng bán	1,419	4,802	5,125	107%	261%	
<i>Giá vốn dịch vụ tư vấn giám sát,</i>	874	4,432	4,776	108%	447%	
<i>Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng</i>	546	370	349	94%	-36%	
Doanh thu hoạt động tài chính	5,776	5,368	6,479	121%	12%	Trong đó ghi nhận 766.890.760 lãi chênh lệch tỷ giá từ Thủy điện Hạ Sê San 2.(DT thực 5,711 tỷ)
Thu nhập khác	15	18	18	100%	27%	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,240	5,525	5,513		5%	
Chi phí khác	-	-	805			1. Chi phí dự án kết nối lưới điện VN-L-CPC giai đoạn 2015 có xét triển vọng đến 2025: 784.500.000 đ 2. Chi phí chậm nộp thuế 20.978.539 đ
Lợi nhuận trước thuế	1,253	1,291	1,697	131%	35%	
Lợi nhuận sau thuế	951	979	1,164	119%	22%	

1.1 Doanh thu:

Năm 2017 doanh thu từ cho thuê văn phòng giảm mạnh do A Vương chấm dứt HĐ, chỉ đạt 751 triệu / 891 triệu kế hoạch (-35%) và giảm 412 triệu so với 2016. Bù lại Công ty đã chủ động tìm kiếm các hợp đồng dịch vụ tư vấn đồng thời sử dụng dòng tiền hiệu quả nên tổng doanh thu vẫn đạt và vượt kế hoạch ĐHCĐ 2017 thông qua.

Cụ thể: Tổng doanh thu và thu nhập 12,34 tỷ đồng (đã loại trừ doanh thu từ lãi CLTG

Hạ Sê San 2 là 766 triệu đồng), tương ứng 113 % so với KH và 156% so với 2016

1.2 Chi phí.

Chi phí thực hiện là 103%, tăng tương ứng với các hợp đồng tư vấn nhưng mức tăng nhỏ hơn mức tăng doanh thu.

1.3 Lợi nhuận.

Từ 2 yếu tố trên, lợi nhuận trước thuế đạt 1,691 tỷ, tăng 31% so với KH và tăng so với 2016 là 35%.

1.4 Các chỉ tiêu tài chính:

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2016	2017	Tăng giảm %	Ghi chú
I. Chỉ tiêu cơ cấu tài sản				
Tài sản ngắn hạn	93,055	88,853	-4.52%	
Tổng tài sản	408,083	405,987	-0.51%	
II. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Nợ phải trả	32,566	30,124	-7.50%	
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	8.0%	7.4%	-0.56%	
Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu	0.259%	0.32%	0.06%	

- Năm 2017 nợ phải trả giảm dẫn đến tổng TS, tổng Nguồn vốn giảm (tỷ lệ 0,51%) do Công ty thực hiện trả nợ cho PECC1 chi phí lập dự án đầu tư thủy điện Hạ sê san 2 theo NQ ĐHĐCĐ năm 2017, số tiền 3,105 tỷ đồng.

- Tỷ suất lợi nhuận/ vốn chủ sở hữu (ROE) tăng 0.06%.

- Các chỉ số về tài chính cơ bản không có sự biến động lớn.

3. Về quản trị doanh nghiệp:

- Công ty vẫn giữ nguyên mô hình tổ chức gọn nhẹ, tổng số CBNV đến 31/12/2017 là 18 người.

- Năm 2017 là năm đầu tiên Công ty có doanh thu hoạt động vượt doanh thu từ tiền gửi ngân hàng (5,862/5,713 tỷ đồng). Đây là cố gắng lớn của ban điều hành và tập thể người lao động.

- Công ty đã thực hiện quản lý chi phí theo yêu cầu của Hội đồng cổ đông, đảm bảo nguyên tắc tổng chi phí không vượt tổng các khoản thu.

4. Về giám sát hoạt động của HĐQT.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm (và bất thường) theo quy

định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật (và công ty), và phù hợp với thực tế và yêu cầu hoạt động của công ty trong năm.

- Tính đến tháng 4/2018, Hội đồng quản trị đã ban hành 14 Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty. Trong năm 2017 và 5 tháng đầu năm 2018, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty như sau:

- + Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2017 của EVNI
- + Thông qua việc thay đổi nhân sự trong HĐQT (bỏ nhiệm và miễn nhiệm chức danh PTGD) và bổ nhiệm phụ trách kế toán EVNI
- + Bổ nhiệm PTGD Lê Vũ Ninh thuộc nhóm Người đại diện phần vốn của EVNGENCO1 tại EVNI, tạm là thành viên HĐQT EVNI nhiệm kỳ 2013-2018 (việc thay thế thành viên HĐQT chính thức sẽ được HĐQT EVNI trình ĐHCĐ 2018 xem xét chấp thuận).
- + Thống nhất phương án hạch toán khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái (Dự án thủy điện Hạ Sê San 2) vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ kế toán năm 2017.
- + Thông qua quyết toán chi phí tư vấn đề án “Kết nối lưới điện Việt Nam - Lào - Campuchia giai đoạn 2015 có xét đến triển vọng đến năm 2025” và hạch toán toàn bộ chi phí tư vấn vào kết quả SXKD năm 2017.
- + Thông qua thời gian tổ chức ĐHCĐ thường niên 2018

5. Về giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Năm 2017, Ban tổng giám đốc đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kết quả đều đạt và vượt các chỉ tiêu quan trọng được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 thông qua.

- Về đầu tư: mục tiêu chính là bảo tồn vốn góp của Công ty tại dự án thủy điện Hạ Sê San 2, Công ty đã thực hiện quyền và nghĩa vụ (cùng với các cổ đông khác).

- Đối với các dự án thủy điện SeKong, Nậm Mô 1: Dự án không được triển khai tiếp do phía Campuchia và Lào đã có văn bản chấm dứt gia hạn hiệu lực MOU của dự án. Đồng thời Công ty cũng đã nỗ lực tìm kiếm đối tác thích hợp để phát triển dự án, tuy nhiên hiện nay vẫn chưa có kết quả.

- Đối với dự án Hạ Sê San 1/5 Công ty Công ty đã có văn bản đề nghị Bộ Mỏ và năng lượng Campuchia xem xét miễn giảm khoản phí gia hạn do đặc thù của dự án nằm trên biên giới Việt Nam và Campuchia trong đó phần diện tích mặt hồ 50% thuộc Campuchia và 50% thuộc Việt Nam hiện (24.000USD/năm).

- Về công tác tổ chức nhân sự: Ban điều hành đã đề nghị Hội đồng quản trị Công ty

phê duyệt thay đổi nhân sự của Công ty, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, quản lý điều hành của Công ty trong giai đoạn hiện nay.

II. Giám sát thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2017

1. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính
Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 để thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty.

2. Trích thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Công ty đã thực hiện trích thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2017 theo đúng mức đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 thông qua.

III. Đánh giá sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, Ban tổng giám đốc.

BKS được mời tham dự các phiên họp của HĐQT, giám sát đầy đủ hoạt động của HĐQT trong việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, giám sát các nghị quyết do HĐQT ban hành.

Định kỳ 2 lần trong năm, BKS thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của công ty, giám sát hoạt động của TGD triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐQT. Trong năm, các việc cần triển khai theo Nghị quyết của HĐQT được thực hiện đầy đủ, phù hợp quy định hiện hành.

Qua kiểm tra tình hình hoạt động của công ty, BKS đã kịp thời kiến nghị đến HĐQT và Ban Tổng giám đốc các vấn đề còn tồn tại cần giải quyết trong công tác quản lý điều hành. Các kiến nghị, phát hiện của BKS đã được HĐQT, ban tổng giám đốc xem xét, xử lý kịp thời để hoạt động của công ty tuân thủ đúng quy định pháp luật, hạn chế thiệt hại đến quyền lợi của cổ đông. Cụ thể BKS đã đưa ra 8 khuyến nghị, gồm:

- 4 khuyến nghị với mức độ ưu tiên cao trong đó 3 khuyến nghị đã được nêu trong ý kiến kiểm toán ngoại trừ Báo cáo tài chính bán niên năm 2017, 01 khuyến nghị liên quan đến các HDDV (việc thanh toán giai đoạn, phát hành hóa đơn chưa kịp thời theo quy định của hợp đồng)
- 4 khuyến nghị với mức độ ưu tiên trung bình liên quan số dư tiền mặt tại ngày 30/6/2017, đề nghị Công ty điều chỉnh tăng giá HĐ cho EVNIC thuê đất, một số điều khoản thưởng phạt của HĐ TVGS, lưu trữ hồ sơ.

IV. Hoạt động của Ban kiểm soát

1. Các công tác đã thực hiện năm 2017

- Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã tổ chức kiểm toán định kỳ BCTC 6 tháng, BCTC năm 2017 sau kiểm toán và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Cty.
- Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và của Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc Công ty năm 2017, cụ thể:
 - + Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội

đồng Quản trị, Ban tổng giám đốc trong năm 2017 theo các quy định của pháp luật và của Công ty.

+ Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban tổng giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty trong năm.

+ Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 đối với HĐQT và Ban tổng giám đốc.

+ Kiểm tra các chứng từ kế toán về tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ; Kiểm soát sự tuân thủ các chế độ chính sách hiện hành trong công tác TCKT.

2. Kế hoạch định hướng năm 2018

- Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- Ban Kiểm soát sẽ tập trung thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động của Công ty.

- Giám sát HĐQT, Ban điều hành công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

V. Kiến nghị

1. Đề nghị Tổng Giám đốc tiếp tục chỉ đạo Công ty tăng cường theo dõi, giám sát, bảo toàn giá trị vốn đã góp của Công ty tại dự án thủy điện Hạ Sê San 2 và tìm phương án phát triển các dự án thủy điện SeKong, Nậm Mô 1 và Hạ Sê San 1/5 .

2. Tổng giám đốc tăng cường chỉ đạo công ty mở rộng khai thác, tìm kiếm các lĩnh vực hoạt động mới, tích cực cho thuê trụ sở, nhằm sử dụng nguồn nhân lực có kinh nghiệm và cải thiện kết quả hoạt động của công ty.

3. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua BCTC của Công ty năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty AAC.

TM. Ban Kiểm soát Công ty cổ phần EVN Quốc tế

Trưởng Ban



Đinh Hải Ninh

Số: 12 /TTr-HĐQT

Đà Nẵng, ngày 23 tháng năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua kế hoạch năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số QH 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-EVNI-HĐQT ngày 07/04/2018 của Hội đồng quản trị công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Để có cơ thực hiện yêu cầu nhiệm vụ công tác năm 2018, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua kế hoạch năm 2018 với các các chỉ tiêu chính như sau:

1. Các chỉ tiêu SXKD và ĐTXD năm 2018:

- Tổng doanh thu:	12.063.362.000 đồng
- Chí phí:	10.545.253.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	1.518.109.000 đồng
- Đầu tư xây dựng:	528.000.000 đồng
- Quỹ khen thưởng và phúc lợi: Trích 5% lợi nhuận sau thuế của hoạt động TVQLDA; TVGS năm 2018 và 10% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch của hoạt động TVQLDA; TVGS năm 2018 (tạm tính 74.976.000 đồng)	

2. Thanh toán nợ tư vấn: 4.073.436.000 đồng

- Công ty tư vấn xây dựng điện 1:	3.870.152.000 đồng
- Công ty tư vấn xây dựng điện 2:	203.284.000 đồng

3. Tổ chức thực hiện:

- Giao Ban điều hành quản lý hoạt động của Công ty, đảm bảo nguyên tắc tổng chi phí hoạt động không được vượt tổng các khoản thu, Bảo toàn vốn cổ đông và lợi nhuận để lại.

- Giao Ban Điều hành Công ty tiếp tục tìm kiếm đối tác thích hợp để hợp tác phát triển hoặc chuyển giao các dự án thủy điện Sê Kông và Nậm Mô 1.

- Giao ban điều hành chủ động tìm kiếm công việc phù hợp năng lực hiện tại của Công ty đảm bảo công việc ổn định, lâu dài, tạo công ăn việc làm cho CBCNV và tăng nguồn thu.

Hội đồng quản trị kính trình Đại Hội đồng cổ đông xem xét thông qua kế hoạch 2018 của Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban kiểm soát;
- Ban TGD để thực hiện;
- Lưu TH, Thư ký Công ty. *mh*

Đính kèm:

- Thuyết minh KH 2018;

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trương Quang Minh



EVNINTERNATIONAL

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

Địa chỉ: Lô 91, Xô Viết Nghệ Tĩnh, ĐN

ĐT: 0236.6255656 Fax: 0236.3633.991

Website: www.evni.vn



THUYẾT MINH KẾ HOẠCH NĂM 2018

(Kèm theo Tờ trình số: *12* /TTr-EVNI-HĐQT ngày *23* tháng *5* năm 2018)

Đà Nẵng, tháng 05/2018

THUYẾT MINH KẾ HOẠCH NĂM 2018

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2017:

1. Công tác quản lý dự án:

* Dự án thủy điện Hạ Sê San 2:

- Theo dõi phân vốn góp, tham gia thành viên HĐQT, phối hợp với các Cổ đông khác và Ban điều hành Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2, bám sát các nội dung nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ Hợp đồng cổ đông của Công ty dự án

- Kết quả đạt được:

Tiến độ phát điện của dự án đảm bảo theo kế hoạch của ĐHĐCĐ: Tổ máy 1 hoàn thành và khởi động vào ngày 28/11/2017 (vượt tiến độ 01 tháng). Ngày 09/12/2017 phát điện chính thức tổ máy 1; ngày 30/12/2017 phát điện chính thức tổ máy 2, hòa lưới điện truyền tải quốc gia Campuchia.

+ Khối lượng tổng thể đạt 83% khối lượng thiết kế, trong đó một số hạng mục chính: Đập đất, đập bê tông, đường dây đấu nối về TBA 230kV Stung Treng hoàn thành 100%.

+ Sản lượng điện phát lên lưới truyền tải điện Campuchia: đến 31/12/2017 đạt 37,454 triệu kWh.

+ Lắp đặt thiết bị: Tổng khối lượng lắp đặt thiết bị hoàn thành đạt 29%, trong đó:

- o Tổ máy 1: Đã hoàn thành và phát điện chính thức vào ngày 09/12/2017;
- o Tổ máy 2: Đã hoàn thành và phát điện hòa lưới vào ngày 30/12/2017
- o Tổ máy 3: Đang lắp đặt hệ thống hướng nước tuốc bin, côn ống xả tuốc bin và tổ hợp rotor. Dự kiến hoàn thành phát điện cuối tháng 03/2018.
- o Các tổ máy còn lại (số 4-5-6-7-8): Đang triển khai song song giữa lắp đặt thiết bị cơ điện và công tác đổ bê tông khối pha 2 cho các vị trí lắp đặt thiết bị và được hoàn thành tháng 10/2018.

* Đối với các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1: Tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự dự án Hạ Sê San 2, tuy nhiên đến nay vẫn chưa có kết quả.

2. Công tác tư vấn QLDA và TVGS:

2.1 Công tác TVQLDA Dự án Điện gió Bến Tre:

Đến nay, Công ty cổ phần EVN Quốc tế đã cơ bản hoàn thành công tác tư vấn QLDA lập hồ sơ xin chủ trương đầu tư cho dự án điện gió tại tỉnh Bến Tre và đã được UBND tỉnh cấp phép đầu tư đảm bảo theo hợp đồng với EVNGENCO1.

Trong thời gian tới EVNI tiếp tục thực hiện việc quan trắc và đánh giá tiềm năng gió của dự án để bàn giao Chủ đầu tư theo hợp đồng, bàn giao công tác Tư vấn QLDA cho Ban QLDA Nhiệt điện 3 thực hiện các bước tiếp theo. Đã



hoàn thành nghiệm thu thanh toán giai đoạn 1: 283.481.121 đồng.

2.2 Công tác Tư vấn giám sát thi công:

Trong năm 2017, Công ty cổ phần EVN Quốc tế đã thực hiện 10 gói thầu tư vấn giám sát, với tổng giá trị hợp đồng đạt 5,6 tỷ đồng. Trong đó, đã hoàn thành 06 gói thầu; đang triển khai 03 gói thầu sẽ được hoàn thành bàn giao quý 1/2018. Kết quả thực hiện cụ thể:

* Các gói thầu đã hoàn thành:

- Gói thầu 05 & 07 thuộc dự án cơ sở hạ tầng Trung tâm điện lực Duyên Hải: (gói thầu chuyển tiếp hợp đồng từ tháng 12/2013).

Trong năm 2017, EVNI tiếp tục thực hiện giám sát công tác xử lý tồn tại, quyết toán gói thầu. Đến nay đã cơ bản hoàn thành, nghiệm thu thanh toán giá trị thực hiện theo hợp đồng là: 4.439.309.272 đồng.

- Nâng công suất MBA 110kV tại các TBA Quận 3 – Hòa Khánh:

Hoàn thành đóng điện đưa vào vận hành trong tháng 03/2017. Nghiệm thu và quyết toán hợp đồng với giá trị: 338.181.818 đồng.

- Nạo vét kênh tuần hoàn Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh :

Hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng tháng 04/2017. Nghiệm thu và quyết toán hợp đồng với chủ đầu tư với giá trị là: 79.425.812 đồng.

- Lưới điện 220kV đấu nối nhà máy điện phân nhôm Đăk Nông:

Hoàn thành đóng điện đưa vào vận hành trong tháng 5/2017. Nghiệm thu và quyết toán giá trị Hợp đồng là: 878.290.909 đồng.

- Lắp máy biến áp thứ 2 trạm biến áp 220kV Thạnh Mỹ:

Hoàn thành đóng điện đưa vào vận hành trong tháng 10/2017. Nghiệm thu và quyết toán hợp đồng với chủ đầu tư với giá trị là: 274.500.000 đồng.

- Đập bãi thải xỉ dự án giai đoạn 2- Nhiệt điện Quảng Ninh 2:

Hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng vào cuối tháng 12/2017. Nghiệm thu và thanh lý hợp đồng với giá trị 717.272.727 đồng.

* Các gói thầu đang triển khai dự kiến hoàn thành Quý I/2018:

Hiện tại EVNI đang triển khai tại các gói thầu: (1) Trạm biến áp 500kV Lai Châu: Giá trị đã thanh toán đạt 80% khối lượng theo hợp đồng tương đương 886.400.000 đồng; (2) Trạm biến áp 220kV Phù Mỹ: Giá trị đã thanh toán đạt 70% khối lượng theo hợp đồng tương đương 453.059.091 đồng; (3) Trạm biến áp 220kV Đăk Nông: Giá trị đã thanh toán đạt 30% khối lượng theo hợp đồng tương đương 498.054.000 đồng;

Về công tác tư vấn giám sát do EVNI thực hiện được Chủ đầu tư đánh giá cao về chất lượng, tiến độ và chưa để xảy ra các sai phạm trong quá trình thực hiện. Việc hoàn thành các hợp đồng tư vấn giám sát đảm bảo cho EVNI đủ năng lực để đấu thầu cạnh tranh với các đơn vị khác, tạo công việc ổn định và tăng thu nhập cho CBCNV Công ty.

3. Các công việc khác:

Ngoài nhiệm vụ chính là bảo toàn vốn của EVNI tại Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 và tham gia cung cấp dịch vụ Tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp truyền tải của ngành điện, trong năm 2017 Công ty còn thực hiện một số công việc khác như sau:

- Hoàn thành công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên công ty năm 2017.
- Hoàn thành giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom.
- Thực hiện dịch vụ cho thuê văn phòng.
- Hoàn thành công tác lập dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, về việc chống thấm ban công, cải tạo, sửa chữa công trình nhà điều hành Công ty. Nhà thầu thi công xây dựng đã hoàn thành công tác cải tạo và sửa chữa vào cuối tháng 8/2017.

Ngoài ra, trong năm 2017 Công ty cổ phần EVN Quốc tế đã thực hiện tốt chương trình tiết kiệm chống lãng phí bằng nhiều hoạt động thiết thực như:

- + Tuân thủ nghiêm túc quy chế Quản lý chi tiêu của Công ty;
- + Tiết kiệm tối đa việc sử dụng điện;
- + Đối với việc in ấn, photo tài liệu: ứng dụng tối đa công nghệ thông tin vào công tác quản lý văn phòng, hạn chế in, sao văn bản;
- + Tiết kiệm tối đa trong việc mua sắm hàng hóa, công cụ, dụng cụ;
- + Tiết kiệm chi phí đi lại, di chuyển khi đi công tác: sử dụng vé máy bay giá rẻ nhất của các hãng cung cấp (Vietnam Airline, Vietjetair, Jetstar) tại thời điểm di chuyển. Hạn chế tối đa đi taxi, tận dụng sử dụng xe ô tô cơ quan khi thực hiện công tác trong khu vực thành phố Đà Nẵng và các tỉnh Miền Trung.
- + Tiết kiệm tối đa chi tiêu khi đi công tác, hạn chế việc tham dự các hội nghị, tập huấn không thật cần thiết, không kết hợp tổ chức hội nghị với tham quan, nghỉ mát,....

4. Về mô hình hoạt động và tổ chức:

Trong năm qua, EVNI tiếp tục duy trì bộ máy tổ chức và nhân sự ở mức gọn nhẹ gồm: 03 phòng chức năng, 01 Văn phòng đại diện và 01 Công ty liên kết (Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 – Campuchia) với tổng số lượng nhân sự là 17 người nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ quản lý phần vốn đã góp vào dự án Thủy điện Hạ Sê 2; tiếp tục thực hiện thủ tục của các dự án thủy điện tại Campuchia và Lào đang còn hiệu lực và thực hiện công tác khác như: tư vấn quản lý dự án và tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình.

5. Tối ưu hóa chi phí hoạt động:

Hoạt động năm 2017 trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc tổng chi phí hoạt động không vượt quá tổng các khoản thu. EVNI đã triệt để tiết kiệm các khoản chi nhằm hoàn thành yêu cầu của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông EVNI nhằm tối ưu hóa các khoản thu, nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong chi phí hoạt động. Đến nay các chỉ tiêu đạt kế hoạch năm 2017, đảm bảo chi phí hoạt

động không vượt các khoản thu.

6. Hoạt động đoàn thể và văn hóa doanh nghiệp:

Trong năm qua, Công đoàn Công ty hoạt động tích cực và hiệu quả, công tác chăm lo đời sống CBNV, thăm hỏi động viên CBNV ốm đau được thực hiện thường xuyên. Bên cạnh đó Ban Tổng Giám đốc, Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty còn phối hợp thực hiện nhiều hành động thiết thực nhằm đảm bảo và nâng cao quyền lợi cho người lao động, là chỗ dựa về tinh thần và nhiều mặt cho CBNV.

Ban điều hành công ty cũng đã tạo môi trường làm việc cho CBCNV đơn vị thân thiện, văn minh, lịch sự nhằm thực hiện văn hóa doanh nghiệp theo Quy tắc ứng xử và tài liệu VHDN của EVNI xây dựng trên cơ sở VHDN Tập đoàn Điện lực Việt Nam với những đặc trưng riêng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và những đặc điểm riêng của Công ty.

7. Tình hình thực hiện nguồn thu và chi phí năm 2017:

Hoạt động năm 2017 trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc tổng chi phí hoạt động không vượt quá tổng các khoản thu. Công ty cổ phần EVN Quốc tế đã triệt để tiết kiệm các khoản chi nhằm hoàn thành yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đồng thời tối ưu hóa các khoản thu, nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong chi phí hoạt động. Đến nay các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 đã hoàn thành, cụ thể:

Lợi nhuận trước thuế đạt 1.697 triệu đồng (tăng 31,4% so với kế hoạch); nộp ngân sách nhà nước 590,7 triệu đồng.

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ TH/KH
I	Tổng thu nhập	11.618	13.110	112,8%
1	Thu từ hoạt động tài chính	5.368	5.712	
2	Thu từ cho thuê văn phòng	891	751	
3	Thu từ cho thuê đất	18	18	
4	Thu từ dịch vụ tư vấn giám sát	5.340	5.862	
5	Lãi chênh lệch tỷ giá (dự án thủy điện Hạ Sê San 2)		766,89	
II	Tổng chi phí	10.327	11.413	110,5%
1	Chi phí giá vốn DV TVGS, TVQLDA	4.432	4.766	
	Chi phí thực hiện DV TVGS, TVQLDA	4.432	2.562	
2	Chi phí dịch vụ cho thuê văn phòng	370	349	
3	Chi phí hoạt động SXKD và quản lý dự án	5.525	5.513	
4	Chi phí dự án kết nối lưới điện VN-L-CPC giai đoạn 2015 có		785	

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ TH/KH
	xét triển vọng đến 2025.			
III	Lợi nhuận trước thuế (III)=(I)-(II)	1.291	1.697	131,4%
VI	Thuế TNDN		533	
V	Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.164	
VI	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Trích 5% từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động công tác Tư vấn QLDA, TVGS và 10% phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch của hoạt động công tác tư vấn QLDA và TVGS)	45,3	51,3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2017 theo NQ số 01/NQ-EVNI-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2017

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, MỘT SỐ TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2017:

Năm 2017, Công ty cổ phần EVN Quốc tế đã dần vượt qua giai đoạn khó khăn dưới sự lãnh đạo của tập thể Ban TGD và CBNV đoàn kết, đồng lòng thực hiện hoàn thành các nội dung sau:

- Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 2: Tiếp tục việc thực hiện theo dõi, quản lý phần vốn góp tại dự án, phối hợp với các cổ đông khác trong Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 hoàn thành các mục tiêu tiến độ của dự án. Đến nay dự án triển khai đúng tiến độ tổng thể được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Trong tháng 12/2017 đã phát điện chính thức Tổ máy số 1 và 2 hòa lưới điện truyền tải quốc gia Campuchia. Dự án đầu tư đã có kết quả rõ ràng, khả quan, rủi ro đầu tư được giảm thiểu, cùng với Hợp đồng cổ đông, các Hợp đồng dự án (PPA, IA, LA) đã ký, dự án thi công đáp ứng tiến độ, EVNI đã hoàn thành bước đầu trong việc bảo toàn số chi phí đã thực hiện cho dự án, tuân thủ đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ về việc chuyển toàn bộ số vốn đã thực hiện thành tỷ lệ vốn góp 10% của dự án và tỷ lệ không biến động kể cả khi TMĐT của dự án thay đổi.

- Tìm kiếm công việc, tạo công ăn việc làm: Trong năm 2017, EVNI đã đẩy mạnh hoạt động tham gia đấu thầu các gói thầu Tư vấn giám sát thi công xây lắp công trình đường dây và TBA 220-500kV của ngành điện để tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập và ổn định đời sống CBCNV, chủ động để hoàn thiện năng lực Tư vấn giám sát và đặt mục tiêu phát triển bền vững, tạo nguồn thu nhập ổn định trong khi chờ kết quả kinh doanh của các dự án EVNI đang thực hiện.

- Về chi phí hoạt động của EVNI: Từ đầu năm 2017, Tổng Giám đốc EVNI đã có nhiều chỉ đạo tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm tối ưu hóa chi phí. Với việc chủ động tạo nguồn thu từ công tác TVGS, tuyệt đối không sử dụng vào phần vốn các cổ đông đã góp chưa sử dụng hết, công ty đã đảm bảo hoàn thành mục tiêu kế hoạch nhiệm vụ trong năm 2017.

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy nhận sự; duy trì bộ máy tổ chức nhân sự gọn nhẹ từ 16 đến 18 người.

2. Một số tồn tại và nguyên nhân:

- Đối với dự án thủy điện Hạ Sesan 2: EVNI là Cổ đông thiểu số nên việc kiểm soát các quyết định trong ĐHĐCĐ, HĐQT của Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 gần như không thể thực hiện được, mặt khác việc không được tham gia trong Ban điều hành phần nào ảnh hưởng đến việc giám sát thực hiện dự án. Và, hiện nay vẫn tiếp tục theo dõi và chờ ý kiến chính thức từ Thủ tướng Chính phủ/Ngân hàng nhà nước Việt Nam về thực hiện Hợp đồng thế chấp cổ phần.

- Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 tại Campuchia: Hiệu lực của Biên bản ghi nhớ (MOU) của dự án đã hết hạn vào ngày 30/6/2016. Theo quy định từ thông tư liên Bộ MME và Bộ Tài chính Campuchia việc cấp, gia hạn MOU của các dự án nhà đầu tư phải nộp phí công cho dự án.

- Đối với các dự án Nậm Mô1 và Sê Kông chưa thực hiện chuyển giao dự án cho các đối tác khác nhằm thu hồi các chi phí đã thực hiện.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Năm 2018, Công ty cổ phần EVN Quốc tế vẫn tiếp tục đang trong quá trình tái cơ cấu với nhiệm vụ trọng tâm là quản lý phần vốn đã góp vào dự án thủy điện Hạ Sê San 2 và tiếp tục thực hiện thủ tục duy trì hiệu lực của MOU các dự án thủy điện tại Campuchia và Lào, cụ thể:

1. Về quản lý dự án:

a. Dự án thủy điện Hạ Sê San 2:

Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ giám sát và quản lý vốn góp vào HPLSS2 dựa trên cơ sở luật pháp Campuchia và theo nguyên tắc bảo toàn phần vốn đã góp. Thực hiện quyền và trách nhiệm thành viên HĐQT, và là Cổ đông nắm giữ 10% cổ phần trong HPLSS2 được quy định trong Điều lệ và Hợp đồng cổ đông của HPLSS2. Bám sát các nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT để giám sát và theo dõi hoạt động quản lý điều hành tại HPLSS2 nhằm đảm bảo tiến độ tổng thể dự án (đến tháng 12/2018 hoàn thành phát điện thương mại cả 8 tổ máy).

b. Đối với các dự án TĐ Hạ Sê San 1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1:

Tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển giao hoặc tham gia góp vốn đầu tư tương tự dự án Hạ Sê San 2.

2. Về công tác TVQLDA và TVGS:

- Hoàn thành công tác TVQLDA dự án điện gió tại tỉnh Bến Tre, bàn giao chủ đầu tư triển khai các bước tiếp theo.

- Bố trí cán bộ tham gia giám sát tại các dự án, hoàn thành các gói thầu TVGS đang thực hiện đúng tiến độ và chất lượng; Nghiệm thu thanh toán và quyết toán các gói thầu hoàn thành.

- Đẩy mạnh công tác TVGS để nâng cao năng lực, tiếp tục đấu thầu tìm kiếm bổ sung các công việc trong năm 2108 và gói đầu công việc cho năm 2019. Theo dõi và chỉ đạo kịp thời việc bố trí cán bộ tham gia giám sát tại các công trình đang thực hiện song song đảm bảo phù hợp với tiến độ thi công tại công trường và yêu cầu của các Chủ đầu tư.

- Giá trị đấu thầu TVGS năm 2018 dự kiến đạt 6 tỷ đồng trong đó: Các gói thầu chuyên tiếp và đã ký hợp đồng cuối năm 2017: 2,8 tỷ đồng; Đấu thầu mới : 3,2 tỷ đồng.

3. Công tác khác:

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông EVNI năm 2018;

- Tiếp tục tổ chức hoạt động sản xuất của EVNI theo mô hình gọn nhẹ, linh hoạt và sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp để đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty trên cơ sở nhiệm vụ công tác năm 2018 nhằm tối ưu hóa chi phí. Phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai các công việc trên cơ sở các mục tiêu đề ra và các Quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 của Công ty, đảm bảo các công việc được kiểm soát và hoàn thành đúng kế hoạch.

- Tiếp tục thực hiện dịch vụ cho thuê văn phòng tại trụ sở công ty;

IV. Kế hoạch doanh thu; Kế hoạch chi phí hoạt động, quản lý dự án và chi phí trực tiếp phục vụ công tác giám sát:

4.1 Kế hoạch doanh thu: (Chi tiết theo bảng tổng hợp đính kèm)

Trên cơ sở kế hoạch các nội dung công việc năm 2018 được trình bày như trên, Công ty xác định có 3 nguồn thu chủ yếu, bao gồm thu nhập từ hoạt động tài chính (gửi số vốn góp chưa sử dụng của cổ đông vào các ngân hàng); Thu từ cho thuê văn phòng, nhà để xe, thu từ cho thuê đất và nguồn thu từ hoạt động tư vấn QLDA và Tư vấn giám sát.

Tổng doanh thu:	12,063 tỷ đồng
- Các khoản thu cố định:	6,065 tỷ đồng
+ Thu từ tiền gửi ngân hàng:	5,545 tỷ đồng
+ Thu nhập từ cho thuê văn phòng, nhà để xe, đất:	0,52 tỷ đồng
- Các khoản thu từ hoạt động TVQLDA; TVGS:	5,998 tỷ đồng

Nguồn thu này dự kiến trên cơ sở các hợp đồng đã ký cuối năm 2017 cho công tác tư vấn QLDA và TVGS và dự kiến kế hoạch đấu thầu các gói thầu TVGS năm 2018.

4.2 Kế hoạch chi phí: (Chi tiết theo bảng tổng hợp đính kèm)

Trên cơ sở kế hoạch triển khai các dự án, phạm vi hoạt động, địa bàn công tác, quy mô nguồn nhân lực phục vụ công tác quản lý, cân đối chi phí thực hiện qua các năm 2015-2017, Công ty lập dự toán chi phí hoạt động, quản lý dự án và

chi phí phục vụ TVQLDA, TVGS thi công các gói thầu năm 2018 như sau:

Tổng chi phí hoạt động:	10,545 tỷ đồng
+ Chi phí hoạt động, quản lý dự án:	6,047 tỷ đồng
(Đã bao gồm chi phí khấu hao cơ bản:	0,351 tỷ đồng)
+ Chi phí trực tiếp TVQLDA; TVGS:	4,498 tỷ đồng

4.3 Lợi nhuận kế hoạch:

Cân đối nguồn thu và chi phí, dự kiến lợi nhuận là 1,518 tỷ đồng,

Trong đó:

+ Lợi nhuận từ các nguồn thu hiện có của EVNI:	0,19 tỷ đồng
+ Lợi nhuận từ công tác TVQLDA, TVGS:	1,499 tỷ đồng

4.4 Kế hoạch trả nợ:

Để giải quyết khó khăn về tài chính cho các đơn vị tư vấn, tránh các xung đột và gây khiếu kiện, mặt khác dự án Thủy điện Hạ Sê San 2 hiện nay đã được triển khai thi công đạt khoảng 83% kế hoạch và dự kiến hoàn thành phát điện toàn bộ năm 2018. Kế hoạch trả nợ chi phí tư vấn đã được thỏa thuận giữa PECC1 và EVNI (theo nội dung tại văn bản số 48/TVĐ1-P4 ngày 28/2/2016).

Việc thực hiện trả nợ 30% chi phí lập DADT thủy điện Hạ Sê San 2 không làm ảnh hưởng đến thu nhập và chi phí hoạt động năm 2018; EVNI vẫn đảm bảo lợi nhuận năm 2018 là : 1,518 tỷ.

TT	KH trả nợ chi phí tư vấn năm 2018	Giá trị (đ)	Ghi chú
1	Chi phí lập FS Dự án thủy điện Hạ Sê San 2 của PECC1	3.870.152.000	phần còn lại chi phí FS
2	Chi phí lập HSMT EPC của PECC2 Dự án thủy điện Hạ Sê San 2.	203.284.000	
	Tổng cộng	4.073.436.000	

4.5: Quỹ khen thưởng và phúc lợi:

Nhằm kịp thời động viên, khuyến khích tinh thần và lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống cho người lao động, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng. Năm 2018 Công ty dự kiến sẽ trích lập quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi cho người lao động năm 2018 bao gồm 5% từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động công tác Tư vấn QLDA và TVGS năm 2018 và 10% lợi nhuận sau thuế phần vượt kế hoạch công tác Tư vấn nêu trên. Trong đó, 40% sẽ phân bổ vào quỹ khen thưởng, quỹ này sử dụng vào việc khen thưởng CBCNV đạt thành tích trong lao động và 60% sẽ phân bổ vào quỹ phúc lợi, quỹ này sử dụng vào hoạt động phúc lợi, trợ cấp khó khăn CBCNV, nghỉ dưỡng, hoạt động phong trào văn nghệ, thể dục thể thao.

Giá trị theo kế hoạch lợi nhuận từ công tác TVGS: 74,97 triệu đồng

V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2018

- Đối với Dự án thủy điện Hạ Sê San 2: nhiệm vụ giám sát và quản lý vốn góp vào HPLSS2 dựa trên cơ sở luật pháp Campuchia và theo nguyên tắc bảo toàn phần vốn đã góp. Thực hiện quyền và trách nhiệm thành viên HĐQT, và là Cổ đông nắm giữ 10% cổ phần trong HPLSS2 được quy định trong Điều lệ và Hợp đồng cổ đông của HPLSS2. Bám sát các nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT để giám sát và theo dõi hoạt động quản lý điều hành tại HPLSS2 nhằm đảm bảo tiến độ tổng thể dự án: Đến tháng 12/2018 hoàn thành phát điện thương mại cả 8 tổ máy.

- Đối với các dự án đầu tư khác (Thủy điện Hạ Sê San 1/Se San 5, Sê Kông và Nậm Mô 1): Tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự dự án Hạ Sê San 2.

- Đối với công tác Tư vấn QLDA: Tiếp tục phối hợp với các đơn vị trong Tổng Công ty phát điện 1 để thực hiện các thủ tục liên quan đến dự án đầu tư Điện gió Bến Tre theo yêu cầu của tỉnh Bến Tre.

- Đối với công tác TVGS: Đẩy mạnh công tác TVGS để nâng cao năng lực, tiếp tục đấu thầu tìm kiếm bổ sung các công việc trong năm 2018 và gói đầu cho năm 2019. Theo dõi và chỉ đạo kịp thời việc bố trí cán bộ tham gia giám sát tại các công trình đang thực hiện song song đảm bảo phù hợp với tiến độ thi công tại công trường và yêu cầu của các Chủ đầu tư.

- Về mô hình tổ chức và chi phí hoạt động: Tiếp tục mô hình tổ chức gọn nhẹ, linh hoạt và sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp để đáp ứng yêu cầu quản lý của công ty trên cơ sở nhiệm vụ công tác năm 2018 nhằm tối ưu hóa chi phí. Phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai các công việc trên cơ sở các mục tiêu đề ra và các Quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 của Công ty, đảm bảo các công việc được kiểm soát và hoàn thành đúng kế hoạch.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ EVNI;
- HĐQT, BKS EVNI;
- Lưu: TH, KT, TCKT.

Đính kèm:

- Bảng tổng hợp kế hoạch năm 2018.





Bảng tổng hợp doanh thu và chi phí kế hoạch năm 2018

STT	NỘI DUNG	GIÁ TRỊ (đồng)		
		KẾ HOẠCH NĂM 2017	THỰC HIỆN NĂM 2017	KẾ HOẠCH NĂM 2018
A	Nguồn thu	11.617.753.000	13.109.973.638	12.063.362.000
A.1	Doanh thu trực tiếp từ hoạt động tài chính, cho thuê đất và văn phòng	6.277.581.000	6.480.995.540	6.065.320.000
A.2	Doanh thu từ hoạt động Tư vấn (QLDA, Giám sát...)	5.340.172.000	5.862.087.338	5.998.042.000
A.3	Chênh lệch tỷ giá (dự án thủy điện Hạ Sê San 2)		766.890.760	
B	Chi phí hoạt động	10.326.747.000	11.413.135.867	10.545.253.000
B.1	Chi phí hoạt động, duy trì và quản lý dự án các dự án của Công ty	5.894.404.000	5.862.230.177	6.046.721.000
1	<i>Chi phí hoạt động, duy trì và QLDA các dự án của Công ty</i>	<i>5.515.432.000</i>	<i>5.499.328.177</i>	<i>5.695.514.000</i>
2	<i>Chi phí khấu hao nhà làm việc/văn phòng cho thuê</i>	<i>378.972.000</i>	<i>362.902.000</i>	<i>351.207.000</i>
B.2	Chi phí hoạt động cho công tác Tư vấn QLDA, Giám sát...	4.432.343.000	4.766.405.690	4.498.532.000
B.3	Chi phí dự án kết nối lưới điện VN-L-CPC giai đoạn 2015 có xét triển vọng đến 2025.		784.500.000	
C	Chi ĐTXD và trả nợ	3.633.908.000	3.105.908.000	4.601.436.000
C.1	Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/5 (phí gia hạn MOU 24.000USD/năm)	528.000.000		528.000.000
C.2	Trả nợ chi phí tư vấn đã thực hiện	3.105.908.000	3.105.908.000	4.073.436.000
1	<i>CP lập F/S dự án thủy điện Hạ Sê San 2 (còn lại)</i>	<i>2.902.624.000</i>	<i>2.902.624.000</i>	<i>3.870.152.000</i>
2	<i>CP lập HSMT EPC thủy điện Hạ Sê San 2</i>	<i>203.284.000</i>	<i>203.284.000</i>	<i>203.284.000</i>
D	Lợi nhuận trước thuế	1.291.006.000	1.696.837.771	1.518.109.000
D.1	Lợi nhuận từ hoạt động của Công ty	383.177.000	601.156.123	18.599.000
D.2	Lợi nhuận trước thuế của hoạt động công tác Tư vấn QLDA, TV Giám sát...	907.829.000	1.095.681.648	1.499.510.000
E	Quỹ khen thưởng và phúc lợi (Trích 5% từ lợi nhuận của hoạt động công tác Tư vấn QLDA, TV Giám sát...)	45.391.000	51.332.000	74.976.000

Số: 13 /TTr-HĐQT

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 5 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2017
và kế hoạch năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI);

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-EVNI-HĐQT ngày 07/04/2018 của Hội đồng quản trị công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2017 & kế hoạch năm 2018 với các nội dung như sau:

I. Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2017

Trên cơ sở mức thù lao đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 là 168.000.000 đồng, Công ty đã chi thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2017 với tổng số tiền là: **160.500.000 đồng**, cụ thể như sau:

TT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đồng)	Số tháng	Thù lao năm 2017 (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	0	25.000.000	12	0
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	3	2.500.000	12	82.500.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	1	2.500.000	12	30.000.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	2	2.000.000	12	48.000.000
	Tổng cộng:				160.500.000

II. Kế hoạch thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2018

Căn cứ vào mục tiêu và nhiệm vụ của Công ty hiện nay là tập trung theo dõi và quản lý phân vốn góp của EVNI đã đầu tư vào dự án Thủy điện Hạ Sê San 2, duy trì các MOU đã ký để có phương án hợp tác và chuyển giao đối với các dự án đang còn hiệu lực. Công ty hoạt động dưới mô hình gọn nhẹ, tiết kiệm tối đa chi phí hoạt động. Vì vậy, dự kiến mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2018 (như mức thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2017), cụ thể như sau:

STT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đồng)	Số tháng	Thù lao năm 2018 (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	0	25.000.000	12	0
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	3	2.500.000	12	90.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát (kiêm nhiệm)	1	2.500.000	12	30.000.000
4	Kiểm soát viên (kiêm nhiệm)	2	2.000.000	12	48.000.000
	Tổng cộng	6			168.000.000

- Trường hợp Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc; Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc không hưởng thù lao HĐQT.
- Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát làm việc chuyên trách hưởng mức thù lao 19.000.000 đồng/tháng (mười chín triệu đồng/tháng).

Hội đồng quản trị kính trình Đại Hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Lưu: TH, Thư ký Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trương Quang Minh



Số: 14 /TTr-HĐQT

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 5 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty theo mẫu mới của Bộ tài chính

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về việc hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (có hiệu lực từ ngày 01/8/2017);

Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (có hiệu lực từ ngày 06/11/2017);

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-EVNI-HĐQT ngày 07/04/2018 của Hội đồng quản trị công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông EVNI tại phiên họp đầu tiên ngày 12/9/2007 và sửa đổi bổ sung được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông EVNI ngày 22/4/2016 theo nội dung tại phiên họp thứ nhất của Hội đồng quản trị EVNI ngày 22/3/2016;

Để Điều lệ công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và quy định pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty “**Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần EVN Quốc tế**” sửa đổi, bổ sung theo mẫu của Bộ Tài chính ban hành tại Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 như dự thảo đính kèm. Chi tiết việc đối chiếu các nội dung giữa Điều lệ mẫu và Điều lệ công ty hiện hành để sửa đổi, bổ sung được lập bảng phụ lục đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2018 xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Lưu: TH, Thư ký Cty.

Đính kèm:

- Bảng đối chiếu điều lệ
- Dự thảo Điều lệ sửa đổi

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trương Quang Minh



EVNINTERNATIONAL

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

Địa chỉ: Lô 91, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Cẩm Lệ, Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.6255656 Fax: 0236.3633.991

Website: www.evni.vn

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ
(Dự thảo)

Đà Nẵng, tháng 5 năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty ..	5
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 6	
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	6
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	7
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	9
Điều 8. Sổ đăng ký Cổ đông.....	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	10
Điều 10. Thu hồi cổ phần	10
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	11
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	11
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	11
Điều 12. Quyền của cổ đông	11
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	13
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền.....	16
Điều 17. Thay đổi các quyền	17
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	25
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	26

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	27
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	30
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	30
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	33
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty (Thư ký công ty)	34
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	35
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	35
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	35
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	35
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	37
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	37
Điều 37. Kiểm soát viên	37
Điều 38. Ban kiểm soát	38
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	39
Điều 39. Trách nhiệm cần trọng	39
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	39
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	40
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	41
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	41
CHƯƠNG XII. HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI KHÁC	42
Điều 43. Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn và các Tổ chức chính trị xã hội khác	42
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	42
Điều 44. Phân phối lợi nhuận	43
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 43	
Điều 45. Tài khoản ngân hàng và các quỹ của công ty	43
Điều 46. Năm tài chính	44
Điều 47. Chế độ kế toán	44
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	44
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	44
Điều 49. Báo cáo thường niên	45
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	45

Điều 50. Kiểm toán.....	45
CHƯƠNG XVII. CON DẤU	46
Điều 51. Con dấu.....	46
CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	46
Điều 52. Chấm dứt hoạt động.....	46
Điều 53. Gia hạn hoạt động.....	46
Điều 54. Thanh lý.....	47
CHƯƠNG XIX. MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT .	47
Điều 55. Quan hệ với các công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty liên doanh.....	47
Điều 56. Quan hệ với Công ty liên kết.....	50
CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	50
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	50
CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	51
Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty	51
CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC	51
Điều 59. Ngày hiệu lực	51
Điều 60. Chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị (đại diện cho Đại hội đồng cổ đông).....	52

PHẦN MỞ ĐẦU

Công ty cổ phần EVN Quốc tế (dưới đây gọi là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp. Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với pháp luật sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty tại phiên họp đầu tiên ngày 12 tháng 9 năm 2007; bổ sung mới ngành nghề kinh doanh ngày 16 tháng 4 năm 2008; đổi tên Công ty ngày 10 tháng 5 năm 2008; chuyển trụ sở Công ty ngày 15 tháng 9 năm 2008 (từ 337 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội về 78A Duy Tân, Hải Châu, Đà Nẵng); chuyển trụ sở Công ty ngày 16 tháng 01 năm 2012 (từ 78A Duy Tân, Hải Châu, Đà Nẵng về Lô số 91-đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Cẩm Lệ, Đà Nẵng); sửa đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh ngày 24 tháng 4 năm 2015; cập nhật các quy định của pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp được quy định theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 vào ngày 22/4/2016; và sửa đổi, điều chỉnh bổ sung để phù hợp với Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng theo Mẫu của Bộ tài chính ban hành tại Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017.

Điều lệ này chi phối toàn bộ tổ chức và hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;

g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;

h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

i. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **EVN INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY**
- Tên Công ty viết tắt: **EVN International**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: **Lô số 91 - đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**
- Điện thoại: 0236.6255656
- Fax: 0236.3633991
- E-mail: admin@evni.vn
- Website: <http://evni.vn>

4. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện, công ty con, công ty liên kết hoặc các hình thức hoạt động khác tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh của Công ty là (gồm các ngành, nghề sau):

a) Đầu tư, quản lý dự án, xây dựng, vận hành công trình thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 và Hạ Sê San 2 và các dự án điện lực khác tại Campuchia; tham gia đầu tư kinh doanh viễn thông, lâm nghiệp, khai thác mỏ,... tại Campuchia.

b) Sản xuất và kinh doanh điện năng ở trong và ngoài nước.

c) Dịch vụ quản lý vận hành các nhà máy điện trong và ngoài nước.

d) Sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị, công trình của các nhà máy điện trong và ngoài nước.

e) Thí nghiệm điện.

f) Quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, công trình năng lượng, công trình hạ tầng kỹ thuật... và các dịch vụ tư vấn xây dựng khác.

g) Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị.

h) Tư vấn hoạt động chuẩn bị sản xuất cho các nhà máy điện.

i) Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

j) Thi công xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, công trình năng lượng, công trình hạ tầng kỹ thuật; Xây dựng, vận hành các công trình điện trong và ngoài nước (theo quy định của pháp luật nước có công trình).

k) Khai thác lâm nghiệp, khai thác mỏ trong và ngoài nước (theo quy định của pháp luật nước có dự án).

l) Phát triển và kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp trong và ngoài nước (theo quy định của pháp luật nước có dự án).

m) Sản xuất, truyền tải và mua bán điện trong và ngoài nước (theo quy định của nước có dự án).

n) Xuất khẩu, nhập khẩu điện năng.

o) Nhập khẩu nhiên liệu, nguyên liệu phục vụ sản xuất điện.

p) Khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng trong và ngoài nước (theo quy định của nước có dự án).

q) Giám sát thi công xây dựng - hoàn thiện công trình thủy điện đến cấp I.

r) Các lĩnh vực kinh doanh khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

2. Mục tiêu của Công ty là bảo toàn, phát triển vốn của Công ty, sử dụng hợp lý các nguồn lực để tối đa hóa lợi nhuận, tích lũy đầu tư phát triển Công ty.

3. Nếu bất kỳ lĩnh vực kinh doanh hoặc mục tiêu nào cần phải có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền thì Công ty chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 366.771.450.000 đồng (ba trăm sáu mươi sáu tỷ, bảy trăm bảy mươi một triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn). Vốn điều lệ này được chia thành 36.677.145 cổ phần (Ba mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi bảy, một trăm bốn mươi lăm cổ phần) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần (mười nghìn đồng).

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và nghĩa vụ kèm theo được quy định của pháp luật.

5. Công ty có thể phát hành cổ phần với giá trị trả góp thành nhiều đợt. Kỳ đến hạn trả góp và số tiền trả định kỳ phải được xác định tại thời điểm phát hành cổ phần.

6. Cổ đông sáng lập của Công ty là cổ đông tham gia thông qua Điều lệ lần đầu của Công ty. Cổ đông sáng lập có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tên, địa chỉ và số lượng cổ phần của các cổ đông sáng lập được nêu tại Phụ lục đính kèm Điều lệ lần đầu.

7. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

8. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi đã hoàn lại) theo những cách thức được quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.

9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này.

2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

3. Những người có tên trong Sổ đăng ký cổ đông sở hữu cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí chứng chỉ cổ phiếu trong vòng hai (2) tháng sau khi mua, nhận chuyển nhượng hợp lệ hoặc có quyền sở hữu cổ phần dưới hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này trừ trường hợp điều khoản phát hành quy định khác đi.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

6. Trong trường hợp Công ty phát hành cổ phiếu vô danh, người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được quyền chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Sổ đăng ký Cổ đông

1. Công ty sẽ lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như một tài liệu pháp lý về quyền sở hữu cổ phần của mỗi Cổ đông. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông có các nội dung chính sau:

- a) Tên và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
- e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần;
- f) Các chi tiết khác do Hội đồng quản trị quy định tại từng thời kỳ.

2. Sổ đăng ký Cổ đông được lưu giữ, bảo quản và sử dụng tại trụ sở của Công ty hoặc tại một địa điểm khác hoặc một tổ chức khác do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc một tổ chức khác do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

4. Chậm nhất là năm (5) ngày sau khi Công ty (i) được thanh toán đầy đủ cho các cổ phần mà Công ty phát hành hoặc (ii) nhận được thông báo và giấy tờ hợp lệ chứng minh việc chuyển nhượng, các chi tiết liên quan đến Cổ đông hoặc người nhận chuyển nhượng sẽ được ghi chép vào trong Sổ đăng ký Cổ đông.

5. Cổ đông phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị biết về bất kỳ sự thay đổi địa chỉ nào của mình. Trường hợp Công ty không nhận được thông báo trên, tất cả các thông báo, tuyên bố hoặc mọi thông tin sẽ được gửi cho Cổ đông theo địa chỉ mới nhất lưu trong Sổ đăng ký Cổ đông.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ không quá 10% (mười phần trăm) một năm, vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn còn hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất.

- a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của công đồng;
- b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký công đồng tại Công ty;
- c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;
- d) Số cổ phần được ủy quyền đại diện;
- e) Thời hạn đại diện theo ủy quyền;
- f) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật công đồng.

Điều 13. Nghĩa vụ của công đồng

Công đồng phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng công đồng, Hội đồng quản trị.
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng công đồng và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng công đồng

1. Đại hội đồng công đồng là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng công đồng thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng công đồng phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn thời gian tổ chức đại hội, nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Số thành viên Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản của Công ty hoặc bất kỳ chi nhánh nào hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời làm Tổng giám đốc Công ty.

o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

p) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này, các quy chế khác của Công ty và một số vấn đề tại Đại hội.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng, trừ trường hợp ký hợp đồng với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) thì hợp đồng được phép ký khi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị đồng ý;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 liên quan vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.

2. Số lượng đại biểu cần thiết để tổ chức một cuộc họp nêu tại khoản 1 Điều này ít nhất là hai (2) cổ đông (hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ ít nhất một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp sẽ được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nào nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một phiếu biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. 3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc: Sửa đổi và bổ sung Điều lệ; Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; Việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; Dự án đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán; Các vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. b. Trường hợp công ty niêm yết, tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Là đại diện của một tổ chức bị thay thế hoặc mất quyền đại diện cho tổ chức đó.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;

d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và tài chính hàng năm có giá trị không quá 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm quyết định;

p. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá mười (10) tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền thù lao cho Hội đồng quản trị và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty (Thư ký công ty)

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty (Thư ký công ty) để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty (Thư ký công ty) do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty (Thư ký công ty) phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty (Thư ký công ty) khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị (Thư ký công ty) công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty (Thư ký công ty) có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty phải có ba (03) đến năm (05) thành viên. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty (Thư ký công ty) phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII. HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI KHÁC

Điều 43. Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn và các Tổ chức chính trị xã hội khác

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

3. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng và các quỹ của công ty

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

4. Hàng năm, Công ty trích lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. Khoản trích này không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi số dư Quỹ bằng 10% Vốn điều lệ của Công ty.

5. Việc trích lập và sử dụng các quỹ khác của Công ty (Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ đầu tư phát triển và các quỹ hợp pháp khác) do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định hình thức, số lượng và nội dung con dấu theo quy định của Pháp luật.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

Điều 55. Quan hệ với các công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty liên doanh.

A. Mối quan hệ với công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

1. Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam và/hoặc pháp luật của Campuchia, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Cổ đông của Công ty là chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên, Hội đồng quản trị Công ty là đại diện chủ sở hữu thay mặt thực hiện các quyền và nghĩa vụ sau đây đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

a) Các quyền của Công ty:

- Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh hàng năm và ngành nghề kinh doanh;

- Quyết định nội dung, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Quyết định tăng vốn điều lệ, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho tổ chức, cá nhân khác;

- Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác;

- Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý và bộ máy điều hành; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng thành viên và Kiểm soát viên của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; phân cấp cho Chủ tịch công ty, Hội đồng thành viên bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng, các lợi ích khác của Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Quyết định các dự án đầu tư; bán tài sản; các hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;

- Yêu cầu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con;

- Các quyền, nghĩa vụ khác theo pháp luật và Điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

b) Nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty:

- Công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trong phạm vi vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Góp vốn đầy đủ và đúng hạn như đã cam kết; trường hợp không góp đủ và đúng hạn vốn đã cam kết thì phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Tuân thủ Điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Phải xác định và tách biệt tài sản của Công ty và tài sản của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với công ty.

c) Ngoài các báo cáo, tài liệu theo quy định, Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên còn phải lập và đệ trình báo cáo tổng hợp về mua, bán và các giao dịch khác với Công ty.

B. Quan hệ giữa Công ty với công ty con là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty liên doanh

a) Công ty con là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty liên doanh được thành lập ở nước ngoài tổ chức và hoạt động theo pháp luật về loại hình của công ty đó.

b) Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh, bên góp vốn chi phối tại công ty con theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty đó.

c) Công ty trực tiếp quản lý cổ phần, vốn góp chi phối ở công ty con thông qua người đại diện phần vốn của Công ty tại các công ty con.

d) Công ty có quyền và nghĩa vụ chủ yếu sau:

- Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật người đại diện phần vốn góp chi phối của Công ty tại các công ty con. Người đại diện được trực tiếp tham gia ứng cử vào các chức danh điều hành quản lý tại các công ty con, phù hợp với pháp luật hiện hành và Điều lệ của công ty đó.

- Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp của mình ở các công ty con;

- Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào các công ty con;

- Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào các công ty con;

- Yêu cầu công ty con cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của tổ hợp Công ty mẹ

- Công ty con;

- Các quyền, nghĩa vụ khác theo pháp luật và Điều lệ công ty đó.

e) Ngoài các báo cáo, tài liệu theo quy định, các công ty con cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty liên doanh còn phải lập và đệ trình báo cáo tổng hợp về mua, bán và các giao dịch khác với Công ty mẹ.

Điều 56. Quan hệ với Công ty liên kết

1. Công ty liên kết được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của công ty đó.

2. Công ty cử người đại diện phần vốn để thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo điều lệ của công ty liên kết và theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trường hợp Công ty nắm ít cổ phần hoặc vốn góp tại công ty liên kết mà không thể cử người đại diện phần vốn tham gia quản lý trực tiếp tại công ty liên kết thì phải tổ chức theo dõi số vốn đã đầu tư, lợi tức được chia và các lợi ích khác từ phần vốn đầu tư tại công ty liên kết; phân công người thực hiện các quyền của cổ đông, người góp vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty liên kết.

CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ... ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu ... chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 22 Chương 60 Điều, được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty tại phiên họp đầu tiên ngày 12 tháng 9 năm 2007; bổ sung mới ngành nghề kinh doanh ngày 16 tháng 4 năm 2008; đổi tên Công ty ngày 10 tháng 5 năm 2008; chuyển trụ sở Công ty ngày 15 tháng 9 năm 2008 (từ 337 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội về 78A Duy Tân, Hải Châu, Đà Nẵng); chuyển trụ sở Công ty ngày 16 tháng 01 năm 2012 (từ 78A Duy Tân, Hải Châu, Đà Nẵng về Lô số 91-đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Cẩm Lệ, Đà Nẵng); sửa đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh ngày 24 tháng 4 năm 2015; cập nhật các quy định của pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp được quy định theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCNVN thông qua ngày 26/11/2014 vào ngày 22/4/2016; sửa đổi, điều chỉnh bổ sung để phù hợp với Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng vào ngày tháng 6 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

01 bản nộp tại Phòng Công chứng nhà nước của địa phương.

05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng.

04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Điều 60. Chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị (đại diện cho Đại hội đồng cổ đông).

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Ông Trương Quang Minh.....

Ông Lê Vũ Ninh

Ông Nguyễn Quang Huy.....

Ông Võ Văn Thành

Bà Nguyễn Thị Hương

Số: 15 /TTr-EVNI-HĐQT

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 5 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua nội dung Quy chế về quản trị nội bộ công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về việc hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng (có hiệu lực từ ngày 01/8/2017);

Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng (có hiệu lực từ ngày 06/11/2017);

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-EVNI-HĐQT ngày 07/04/2018 của Hội đồng quản trị công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông EVNI tại phiên họp đầu tiên ngày 12/9/2007 và sửa đổi bổ sung được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông EVNI ngày 22/4/2016 theo nội dung tại phiên họp thứ nhất của Hội đồng quản trị EVNI ngày 22/3/2016;

Để xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Điều lệ công ty, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua dự thảo nội dung **Quy chế về quản trị nội bộ công ty** theo mẫu của Bộ Tài chính ban hành tại Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 như phụ lục đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2018 xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Lưu: TH, Thư ký Cty. *inh*

Đính kèm:

- Dự thảo Quy chế về quản trị nội bộ

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trương Quang Minh



EVNINTERNATIONAL

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

Địa chỉ: Lô 91, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Cẩm Lệ, Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.6255656 Fax: 0236.3633.991

Website: www.evni.vn

QUY CHẾ
QUẢN TRỊ NỘI BỘ
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ
(Dự thảo)

Đà Nẵng, tháng 5 năm 2018

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh	3
Điều 2. Giải thích từ ngữ	3
CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
Điều 3. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 4. Thủ tục và trình tự tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường	5
Điều 5. Thể lệ biểu quyết tại Đại hội, cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu	7
Điều 6. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp)	9
Điều 7. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 8. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 9. Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	11
CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	13
Điều 10. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	13
Điều 11. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị	14
Điều 12. Bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	14
Điều 13. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	15
Điều 14. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	15
Điều 15. Giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	15
Điều 16. Tổ chức họp Hội đồng quản trị	16
CHƯƠNG IV: KIỂM SOÁT VIÊN	16
Điều 17. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên	16
Điều 18. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử vào vị trí Kiểm soát viên	16
Điều 19. Bầu Kiểm soát viên.....	16
Điều 20. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	17
Điều 21. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	17
CHƯƠNG V: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	17
Điều 21. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	17
Điều 22. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại người điều hành doanh nghiệp.....	21
Điều 23. Trình tự, thủ tục đề nghị bổ nhiệm Tổng giám đốc	22
Điều 24. Trình tự, thủ tục đề nghị bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc.....	23
Điều 25. Trình tự, thủ tục đề nghị bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty.....	23

Điều 26. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Trưởng các phòng chức năng Công ty.....	24
Điều 27. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Phó trưởng phòng chức năng Công ty.	25
Điều 28. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm.....	25
Điều 29. Bổ nhiệm lại	25
Điều 230. Thủ tục, hồ sơ bổ nhiệm lại	26
Điều 31. Ký hợp đồng lao động với người điều hành công ty.....	26
Điều 32. Từ chức, miễn nhiệm người điều hành công ty.....	26
Điều 33. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành công ty	27
CHƯƠNG VI: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	27
Điều 34. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và TGD.....	27
Điều 35. Vấn đề báo cáo và cung cấp thông tin.....	28
Điều 36. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên BKS và TGD	28
CHƯƠNG VII: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	28
Điều 37. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty.....	28
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty	29
Điều 39. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và công bố thông tin Người phụ trách quản trị công ty.....	29
CHƯƠNG VIII: ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC	29
Điều 40. Phương thức, tiêu chí đánh giá hoạt động.....	29
Điều 41. Khen thưởng, kỷ luật	30
CHƯƠNG IX: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	31
Điều 42. Xử lý vi phạm	31
Điều 43. Tổ chức thực hiện	31
Điều 44 Sửa đổi, bổ sung qui chế.....	31
Điều 45. Hiệu lực thi hành.....	31

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số /NQ-EVNI-HĐQT
ngày tháng năm 2018)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) được Hội đồng quản trị EVNI xây dựng phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017).

Từ văn bản chủ đạo là Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ Công ty cổ phần EVN Quốc tế cụ thể hóa các quy định trong Điều lệ và có thể bao gồm bất kỳ một quy định nào phục vụ cho việc quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Thông qua quy chế này, Công ty sẽ điều hành và kiểm soát một cách tốt nhất cho các mối quan hệ giữa các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan khác của Công ty. Đồng thời, các nguyên tắc quản trị Công ty đặt ra các quy trình, thủ tục ban hành các quyết định trong Công ty, qua đó ngăn chặn sự lạm dụng quyền lực và chức vụ, giảm thiểu những rủi ro không cần thiết cho Công ty. Mục tiêu lớn nhất của Quy chế Quản trị Công ty là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau :

- a. “Công ty” là Công ty cổ phần EVN Quốc tế;
- b. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- c. “Cán bộ” là người làm công tác quản lý hoặc lĩnh vực chuyên môn trong Công ty cổ phần EVN Quốc tế, được cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm bằng văn bản, được hưởng lương chức vụ hoặc phụ cấp chức vụ. Cán bộ bao gồm cả người sử dụng lao động và người lao động;
- d. “Quản trị Công ty” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
 - i. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - ii. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - iii. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - iv. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;

- v. Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty.
- e. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán, bao gồm:
 - i. Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;
 - ii. Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;
 - iii. Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;
 - iv. Người điều hành doanh nghiệp;
 - v. Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người điều hành công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
 - vi. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại các điểm i; ii; iii; iv; v khoản này;
 - vii. Doanh nghiệp trong đó những người, công ty quy định tại các điểm i; ii; iii; iv; v; vi và viii khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;
 - viii. Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.
- f. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- g. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:
 - i. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
 - ii. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - iii. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - iv. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

- v. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.
- h. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính khi có sự chấp thuận của cơ quan đăng ký kinh doanh theo đề nghị của Hội đồng quản trị. Đại hội cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán phải được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

2. Họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập họp trong một số trường hợp nhất định được quy định tại Điều lệ Công ty (điều 14).

Điều 4. Thủ tục và trình tự tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường

1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị họp và công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Thông báo thực hiện quyền được lập theo mẫu quy định gửi đến Trung tâm lưu ký chứng khoán tối thiểu bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, được đăng trên website của Công ty, gửi công bố thông tin về Thông báo thực hiện quyền cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty đăng ký niêm yết cổ phiếu.

Danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Căn cứ vào danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách, Công ty gửi Thông báo họp cho tất cả các cổ đông có tên trong danh sách chốt. Thông báo họp bao gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm và các thông tin liên quan các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội, giấy uỷ quyền, được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, **bao gồm:**

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc hoặc được thông báo bằng các phương tiện của Công ty, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán .

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

a. Để tạo điều kiện thuận lợi Ban tổ chức chuẩn bị tốt các khâu phục vụ, từ tài liệu, chỗ ngồi, đến các phiếu biểu quyết,.. nhằm tổ chức Đại hội cổ đông đạt một kết quả cao nhất, tiết kiệm được chi phí, thời gian; Ban tổ chức Đại hội ngoài việc gửi Thông báo kèm theo là mẫu đăng ký tham dự Đại hội đến các cổ đông. Các cổ đông gửi đăng ký tham dự Đại hội về Ban tổ chức trước ngày họp ít nhất một (01) ngày làm việc. Nội dung đăng ký phải nêu rõ Tên cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu đến thời điểm chốt danh sách, địa chỉ, số điện thoại để tiện việc liên lạc khi cần thiết.

b. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- + Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- + Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- + Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- + Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

Điều 5. Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội, cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

- a. Nguyên tắc:
- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.

- Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Mỗi cổ đông được cấp các thẻ biểu quyết từng nội dung đã được in trên thẻ. Trên Thẻ/Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của cổ đông đó.

- Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại ĐHĐCĐ thường niên như sau:

+ Biểu quyết bằng hình thức giơ tay biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội; Thành phần Chủ tịch đoàn; Ban thư ký; Ban kiểm phiếu biểu quyết; Quy chế bầu cử; Danh sách ứng cử; thông qua Nghị quyết đại hội, Biên bản đại hội.

+ Biểu quyết bằng hình thức điền vào Thẻ/Phiếu biểu quyết:

Hình thức biểu quyết này được dùng để thông qua các vấn đề được quy định tại Khoản 1, 2 Điều 15 của Điều lệ Công ty như:

- Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Ban kiểm soát;
- Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
- Thông qua báo cáo tài chính năm;
- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần;
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
- Quyết định giao dịch **đầu tư**/bán số tài sản của Công ty hoặc bất kỳ chi nhánh nào hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị **từ 35%** trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
- Quyết định mua lại **trên 10%** tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

- Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời làm Tổng giám đốc Công ty.
- Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Công ty, các quy chế khác của Công ty và một số vấn đề tại Đại hội.

b. Cách thức biểu quyết:

- Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết (Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

- Cổ đông hoặc người được đại diện theo ủy quyền thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Phiếu biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại điểm a nêu trên.

- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Phiếu biểu quyết, mặt trước của Thẻ/Phiếu biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa đoàn. Ban kiểm phiếu tiến hành thu phiếu theo lần lượt: Phiếu tán thành; Phiếu không tán thành, và Phiếu không có ý kiến. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ/Phiếu biểu quyết, Thành viên ban kiểm phiếu đánh dấu mã cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến.

c. Thẻ lệ biểu quyết:

- Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp 01 (một) phiếu biểu quyết.

- Các vấn đề cần lấy biểu quyết trong chương trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên được thông qua theo Điều 21 của Điều lệ công ty.

d. Ghi nhận kết quả biểu quyết:

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban kiểm phiếu.
- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu, ghi nhận và trả thẻ/phiếu biểu quyết.
- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và chuyển Chủ tọa Đại hội công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp)

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 7. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản (lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh) và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 8. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được công bố theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2015.

Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ trên trang thông tin điện tử của công ty, kể từ khi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua (bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.

Điều 9. Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều 22 của Điều lệ công ty thì trình tự thực hiện như sau:

1. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo **được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty (thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ công ty).**

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức **hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.**

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. **Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.**

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. **Nghị quyết** được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 151 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, **không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp (khoản 2 - Điều 18).**

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

d) Đối với công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

Điều 11. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

- Tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty sẽ công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty danh sách các ứng viên (đương nhiệm), thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, kèm theo các biểu mẫu hồ sơ ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị và hướng dẫn cụ thể về thời hạn nhận hồ sơ, nơi nhận hồ sơ, ...

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ công ty như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử.

Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

:

Điều 12. Bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc phân chia số phiếu bầu của mình cho một ứng cử viên.

- Mỗi phiếu bầu có ghi tên các ứng cử viên để bầu vào HĐQT (đối với phiếu bầu HĐQT) hoặc BKS (đối với phiếu bầu BKS). Cổ đông dùng số phiếu bầu của mình ghi vào ô chọn cho người mà mình tin nhiệm cạnh danh sách tên của từng ứng cử viên và bỏ phiếu bầu vào Thùng phiếu. Trong trường hợp viết sai, cổ đông/đại diện cổ đông không được tẩy xoá mà phải yêu cầu Ban kiểm phiếu đổi lại phiếu mới.

- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Công ty.

Điều 13. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.

b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.

c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.

d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng **sáu (06) tháng**, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.

e) Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

f) Không còn là đại diện phân vốn của tổ chức theo quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp thành viên là đại diện phân vốn của tổ chức đó.

g) Là đại diện của một tổ chức bị thay thế hoặc mất quyền đại diện cho tổ chức đó.

Điều 14. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo công khai, kịp thời trên trang thông tin điện tử của Công ty tại website <http://evni.vn> và theo quy định liên quan tại Điều lệ công ty.

Điều 15. Giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Việc giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo các quy định tại Điều 10 và Điều 11.

Điều 16. Tổ chức họp Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 30 của Điều lệ Công ty với trình tự và thủ tục như sau:

- a) Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp);
- b) Biểu quyết;
- c) Thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- d) Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị;
- e) Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều kiện tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị, thông báo họp, cách thức biểu quyết, biên bản họp được thực hiện theo quy định tại Điều 7 đến Điều 16 của Điều lệ Công ty. Biên bản họp và Nghị quyết của Hội đồng quản trị sẽ được gửi đến các thành viên bằng thư, fax, thư điện tử hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại website <http://evni.vn>.

CHƯƠNG IV: KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 17. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

KSV phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 18. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử vào vị trí Kiểm soát viên

Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự như việc ứng cử, đề cử, bầu cử, bãi nhiệm và miễn nhiệm thành viên HĐQT quy định tại Điều 11 của Quy chế này.

Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Điều 19. Bầu Kiểm soát viên

Việc bầu cử và bãi nhiệm Kiểm soát viên được thực hiện tương tự như việc bầu cử, bãi nhiệm và miễn nhiệm thành viên HĐQT quy định tại Điều 12 của Quy chế này.

Điều 20. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

a) Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

b) Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Điều 21. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Kiểm soát viên phải được thông báo công khai, kịp thời trên trang thông tin điện tử của Công ty tại website <http://evni.vn> và theo quy định liên quan tại Điều lệ công ty.

CHƯƠNG V: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Theo đề nghị Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 21. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

A. TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Tổng giám đốc có thể là thành viên HĐQT. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm trước HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty, bảo đảm sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả cao nhất. Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm tuân thủ pháp luật, các chế độ và quy định của Nhà nước, đảm bảo mối quan hệ tốt giữa Công ty và các địa phương; được quyền quyết định mọi vấn đề trong đơn vị theo phân cấp của HĐQT và Điều lệ Công ty.

* Tiêu chuẩn Tổng giám đốc Công ty như sau:

1. Về trình độ: Có trình độ đại học trở lên, thông thạo tiếng Anh.
2. Đã qua ít nhất một khoá huấn luyện về quản lý kinh tế, thời gian ít nhất từ 3 tháng trở lên.

- Ưu tiên: Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Có trình độ lý luận chính trị cao cấp; Có kinh nghiệm thực tiễn về quản lý sản xuất - kinh doanh.

3. Về năng lực:

- Hiểu biết đầy đủ những nội dung cơ bản của quản lý kinh tế vĩ mô, mối quan hệ giữa quản lý nhà nước và quản lý sản xuất - kinh doanh, hiểu biết về pháp luật hiện hành, nhất là luật kinh tế liên quan đến ngành điện.

- Có năng lực chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty, năng động, sáng tạo, kết hợp lý luận với thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm, áp dụng các mô hình, phương pháp quản lý tiên tiến vào thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nghiên cứu đề xuất với HĐQT những vấn đề có tính chiến lược liên quan đến xây dựng và phát triển Công ty.

- Có năng lực lãnh đạo, quy tụ cán bộ, phân công, phối hợp công tác giữa các Phó Tổng giám đốc, điều hành công việc của cơ quan Công ty; có quan hệ tốt và rộng rãi với các cơ quan Đảng, Nhà nước, các Bộ, ngành có liên quan, với tổ chức công đoàn, với lãnh đạo và công nhân viên chức các đơn vị trực thuộc, với các Công ty khác và với địa phương nơi Công ty triển khai các công việc.

B. PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Phó Tổng giám đốc Công ty là người chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và cấp trên về những việc được phân công, thay mặt Tổng giám đốc chỉ đạo, quản lý lĩnh vực mình phụ trách. Cụ thể là:

1. Về trình độ: Có trình độ đại học trở lên.
2. Đã qua ít nhất một khoá huấn luyện về quản lý kinh tế, thời gian ít nhất từ 2 tháng trở lên.

- Ưu tiên: Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Có trình độ lý luận chính trị cao cấp; Có kinh nghiệm thực tiễn về quản lý sản xuất - kinh doanh.

3. Về năng lực:

- Hiểu biết về quản lý khoa học kỹ thuật hoặc quản lý kinh tế, mối quan hệ giữa quản lý nhà nước và quản lý sản xuất - kinh doanh, hiểu biết về luật pháp.

- Có năng lực chỉ đạo thực hiện, năng động, sáng tạo, kết hợp lý luận với thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm, áp dụng các mô hình, phương pháp quản lý tiên tiến vào thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Có khả năng nghiên cứu đề xuất với Tổng giám đốc những chủ trương, biện pháp công tác thuộc lĩnh vực phụ trách nhằm xây dựng và phát triển Công ty.

- Có năng lực lãnh đạo, điều hành công việc của cơ quan Công ty, có quan hệ tốt với các Bộ, ngành có liên quan, với tổ chức công đoàn, với lãnh đạo và cán bộ viên chức các đơn vị trực thuộc.

C. KẾ TOÁN TRƯỞNG CÔNG TY

Kế toán trưởng Công ty là người tham mưu, giúp việc Tổng giám đốc chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê trong Công ty.

Tiêu chuẩn của Kế toán trưởng Công ty như sau:

1. Về trình độ: Có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành kinh tế.
2. Có chứng chỉ Kế toán trưởng. Đã qua ít nhất một khoá huấn luyện về quản lý kinh tế, thời gian ít nhất 02 tháng trở lên.

- Ưu tiên: Có trình độ lý luận chính trị; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Có kinh nghiệm thực tiễn về quản lý tài chính kế toán.

3. Về năng lực:

- Hiểu biết sâu sắc về quản lý kinh tế, quản lý sản xuất - kinh doanh, về luật pháp, nhất là pháp lệnh về kế toán thống kê, các văn bản pháp quy khác có liên quan.

- Có năng lực tổ chức chỉ đạo thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê trong Công ty; đúc kết kinh nghiệm, áp dụng các phương pháp quản lý tiên tiến vào thực tiễn hoạt động tài chính, kế toán, thống kê của Công ty. Nghiên cứu đề xuất với Tổng giám đốc những chủ trương, biện pháp công tác thuộc lĩnh vực phụ trách.

- Có quan hệ tốt với các Bộ, ngành có liên quan, với cán bộ viên chức thuộc cơ quan Công ty, với lãnh đạo và công nhân viên chức các đơn vị trực thuộc.

D. TRƯỞNG CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG CỦA CÔNG TY

Trưởng phòng chức năng thuộc Công ty có chức năng tham mưu giúp việc Tổng giám đốc chỉ đạo, quản lý từng lĩnh vực chuyên môn được phân công. Có các tiêu chuẩn sau:

1. Về trình độ: Có trình độ đại học trở lên.
2. Đã qua ít nhất một khoá huấn luyện về quản lý kinh tế hoặc quản lý hành chính, thời gian ít nhất từ 1 tháng trở lên.

- Ưu tiên: Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Có trình độ lý luận chính trị; Có kinh nghiệm thực tiễn lãnh đạo và quản lý.

3. Về năng lực:

- Hiểu biết sâu rộng hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực công tác được đảm nhiệm. Hiểu biết về cơ cấu tổ chức của Công ty, chức năng nhiệm vụ các đơn vị trong Công ty, mối quan hệ công tác giữa các đơn vị, các quy chế, quy định hiện hành trong Công ty có liên quan đến lĩnh vực công tác của Phòng.

- Có năng lực nghiên cứu, tổng hợp, phân tích, đề xuất, tổ chức soạn thảo các văn bản hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ theo đúng chủ trương, chính sách, quy phạm pháp luật của Nhà nước và sự chỉ đạo của lãnh đạo Công ty.

- Hiểu biết và xử lý đúng đắn mối quan hệ với lãnh đạo và công nhân viên chức các đơn vị trực thuộc Công ty, với các cơ quan quản lý nhà nước, với các cơ quan ngoài ngành.

- Biết cách tổ chức, điều phối công việc trong Phòng, phát huy trí tuệ của các chuyên viên, kỹ sư. Thực hiện chương trình công tác của Phòng kịp thời, có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, đề nghị của các đơn vị trực thuộc.

Đ. PHÓ TRƯỞNG CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG CÔNG TY

Phó trưởng phòng Công ty là người giúp việc của Trưởng phòng, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và lãnh đạo Công ty về những việc được phân công, về những việc thuộc lĩnh vực phụ trách.

1. Về trình độ: Có trình độ đại học trở lên.

2. Đã qua ít nhất một khoá huấn luyện về quản lý kinh tế hoặc quản lý hành chính, thời gian ít nhất từ 1 tháng trở lên.

- Ưu tiên: Có trình độ lý luận chính trị; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Có kinh nghiệm thực tiễn lãnh đạo và quản lý.

3. Về năng lực:

- Hiểu biết sâu rộng hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực công tác được đảm nhiệm. Hiểu biết về cơ cấu tổ chức của Công ty, chức năng nhiệm vụ các đơn vị trong Công ty, mối quan hệ công tác giữa các đơn vị, các quy chế, quy định hiện hành trong Công ty có liên quan đến lĩnh vực công tác của Phòng.

- Có năng lực nghiên cứu, tổng hợp, phân tích, soạn thảo hoặc tổ chức soạn thảo các văn bản hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ theo đúng chủ trương, chính sách, quy phạm pháp luật của Nhà nước và sự chỉ đạo của lãnh đạo Công ty.

- Biết cách tổ chức, điều phối công việc trong nhóm, phát huy trí tuệ của các chuyên viên, kỹ sư, đáp ứng yêu cầu, đề nghị của các đơn vị trực thuộc.

- Hiểu biết và xử lý đúng đắn mối quan hệ với lãnh đạo và công nhân viên chức các đơn vị trực thuộc Công ty, với các cơ quan quản lý nhà nước, với các cơ quan ngoài ngành.

G. TRƯỞNG VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Trưởng Văn phòng đại diện là người tổ chức điều hành mọi mặt hoạt động của Văn phòng đại diện trên cơ sở phân cấp của Công ty. Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty về mọi hoạt động ở Văn phòng đại diện do mình phụ trách, đồng thời phối hợp với các đơn vị khác trong Công ty để hoàn thành công việc do lãnh đạo Công ty giao.

Trưởng Văn phòng đại diện Công ty có tiêu chuẩn sau:

1. Về trình độ: Có trình độ đại học trở lên.

- Đã qua lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý

- Trình độ ngoại ngữ: Ưu tiên người biết tiếng của địa phương nơi đặt Văn phòng đại diện.

2. Về năng lực:

- Hiểu được đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và của Ngành.

- Hiểu được thủ tục, nguyên tắc hành chính;

- Nắm được các quy chế phân cấp, quy định hiện hành của Công ty trong lĩnh vực giám sát, kinh doanh.

- Nắm chắc phương thức vận hành và hiện trạng thiết bị chính do Văn phòng quản lý. Biết xây dựng tiến độ công việc chung của Văn phòng, thực hiện và giải quyết những việc có liên quan đến quản lý kỹ thuật, quản lý giám sát đầu tư dự án của Công ty.

- Có quan hệ tốt với địa phương nơi Văn phòng đại diện đặt trụ sở và các đơn vị bạn.

Điều 22. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại người điều hành doanh nghiệp

Bổ nhiệm là quyết định cử cán bộ giữ một chức vụ trong bộ máy tổ chức của đơn vị để lãnh đạo, điều hành CNVC trong đơn vị thực hiện nhiệm vụ được giao.

Việc bổ nhiệm lại cán bộ nhằm nhắc nhở, động viên họ đương nhiệm thường xuyên phấn đấu vươn lên, phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

** Các nguyên tắc của việc bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ:*

Bên cạnh những nguyên tắc chung của việc quản lý cán bộ (quy định tại Điều 3) việc bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. Phải xuất phát từ yêu cầu công tác của đơn vị, từ việc xác định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của đơn vị để bổ nhiệm cán bộ, không được vì cán bộ để thành lập thêm các tổ chức mới.

2. Phải căn cứ vào phẩm chất, đạo đức, năng lực và sở trường của cán bộ, đảm bảo tiêu chuẩn cán bộ theo các chức danh.

3. Phải được tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

4. Đảm bảo sự ổn định, kế thừa và phát triển của đội ngũ cán bộ, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị.

** Thời hạn bổ nhiệm:*

Thời hạn mỗi lần bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm lại chức vụ như sau:

- Là 5 năm đối với các chức danh do HĐQT và Tổng giám đốc ra quyết định.

- Là 4 năm đối với các chức danh còn lại.

Thời hạn bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm lại được ghi trong quyết định và tính từ ngày quyết định có hiệu lực thi hành. Trường hợp trong quyết định không ghi ngày có hiệu lực thi lấy theo ngày ký.

Trong trường hợp cán bộ được giao chức Phó thủ trưởng phụ trách đơn vị thì thời hạn giữ các chức vụ này do cấp có thẩm quyền quy định nhưng không kéo dài quá:

- 06 tháng đối với thời hạn bổ nhiệm 4 năm,

- 09 tháng đối với thời hạn bổ nhiệm 5 năm,

và không tính vào thời hạn bổ nhiệm.

**Điều kiện bổ nhiệm:*

1. Bảo đảm tiêu chuẩn cán bộ theo quy định và tiêu chuẩn cụ thể của chức danh bổ nhiệm được ban hành tại Quy chế này.

2. Về độ tuổi: Căn cứ vào độ tuổi quy định lần đầu không quá 50 đối với nam và 45 đối với nữ (trừ trường hợp do HĐQT quyết định).

3. Có đầy đủ hồ sơ cá nhân, lý lịch được cơ quan chức năng có thẩm quyền xác minh, xác nhận rõ ràng.

4. Cán bộ bị kỷ luật từ khiển trách trở lên không được bổ nhiệm vào các chức vụ cao hơn trong thời gian ít nhất một năm kể từ khi có quyết định kỷ luật.

5. Cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ cần ưu tiên xem xét những cán bộ trong diện quy hoạch để bổ nhiệm lần đầu. Tuy nhiên vẫn có thể bổ nhiệm cán bộ ngoài diện quy hoạch nếu xét thấy đủ tiêu chuẩn.

Điều 23. Trình tự, thủ tục đề nghị bổ nhiệm Tổng giám đốc

1. Căn cứ nhu cầu công tác, HĐQT họp bàn và có nghị quyết về việc đề nghị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Sau khi có Nghị quyết, HĐQT họp đề xuất phương án nhân sự chủ yếu dựa vào nguồn cán bộ trong quy hoạch.

3. Chủ tịch HĐQT ra quyết định công nhận.

Điều 24 Trình tự, thủ tục đề nghị bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc

1. Căn cứ nhu cầu công tác, Ban Tổng giám đốc họp bàn. Tổng giám đốc đề xuất phương án nhân sự chủ yếu dựa vào nguồn cán bộ trong quy hoạch và tham khảo ý kiến của các Phó Tổng giám đốc, cán bộ quản lý. Ban Tổng giám đốc có nghị quyết cuộc họp.

2. Ban lãnh đạo Công ty họp dưới sự chủ trì của Chủ tịch HĐQT để thảo luận, lựa chọn nhân sự và thông qua nhận xét đánh giá. Nhu cầu bổ nhiệm 1 người có thể lựa chọn 1 người hoặc nhiều hơn.

3. Tổ chức cuộc họp các cán bộ chủ chốt của Công ty để lấy ý kiến. Thành phần gồm: HĐQT, Ban Tổng giám đốc, BCH Công đoàn, Kế toán trưởng Công ty, **Người phụ trách quản trị Công ty/Thư ký Công ty, Chi uỷ**, Trưởng các phòng chức năng Công ty, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc (nếu có). Chủ tịch HĐQT chủ trì cuộc họp.

Nội dung:

- Trao đổi, thảo luận về yêu cầu bổ nhiệm, tiêu chuẩn cán bộ.
- Thông báo danh sách cán bộ do Ban lãnh đạo Công ty giới thiệu, tóm tắt lý lịch, nhận xét mặt mạnh, mặt yếu, triển vọng phát triển và dự kiến phân công công tác.
- Giới thiệu bổ sung ngoài danh sách nhân sự do lãnh đạo Công ty giới thiệu.
- Cán bộ được giới thiệu có thể trình bày ý kiến về thực hiện nhiệm vụ nếu được bổ nhiệm, trả lời những vấn đề liên quan.
- Ghi phiếu (không phải ký tên). Các phiếu được niêm phong và gửi tới Tổng giám đốc. Không mở phiếu và công bố kết quả trước hội nghị.

4. Ban lãnh đạo Công ty họp xem xét kết quả lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến có giá trị tham khảo rất quan trọng nhưng không phải là căn cứ duy nhất để quyết định. Hội nghị tiến hành thảo luận, nhận xét, đánh giá, lựa chọn cán bộ và biểu quyết nhân sự (bằng phiếu kín). Nhân sự đề nghị bổ nhiệm phải được đa số các thành viên trong Ban lãnh đạo Công ty tán thành.

5. Lấy ý kiến bằng văn bản của tổ chức chính trị xã hội (nếu cần thiết) nơi cán bộ đó đang công tác về nhân sự được đề nghị bổ nhiệm.

6. Tổng giám đốc làm tờ trình đề nghị HĐQT bổ nhiệm.

Điều 25. Trình tự, thủ tục đề nghị bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty

1. Căn cứ nhu cầu công tác, Ban Tổng giám đốc họp bàn. Tổng giám đốc đề xuất phương án nhân sự chủ yếu dựa vào nguồn cán bộ trong quy hoạch và tham khảo ý kiến của các Phó Tổng giám đốc, cán bộ quản lý. Ban Tổng giám đốc có nghị quyết cuộc họp.

2. Ban lãnh đạo Công ty họp dưới sự chủ trì của Chủ tịch HĐQT để thảo luận, lựa chọn nhân sự và thông qua nhận xét đánh giá. Nhu cầu bổ nhiệm 1 người có thể lựa chọn 1 người hoặc nhiều hơn.

3. Tổ chức cuộc họp các cán bộ chủ chốt của Công ty để lấy ý kiến. Thành phần gồm: Ban Tổng giám đốc, BCH Công đoàn Công ty, Kế toán trưởng Công ty, **Người phụ trách quản trị Công ty/Thư ký Công ty, Chi uỷ**, Trưởng các phòng chức năng Công ty, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc của Công ty, Kế toán trưởng hoặc Trưởng phòng Tài chính kế toán các đơn vị trực thuộc của Công ty (nếu có). Tổng giám đốc chủ trì cuộc họp.

Nội dung:

- Trao đổi, thảo luận về yêu cầu bổ nhiệm, tiêu chuẩn cán bộ.
- Thông báo danh sách cán bộ do Ban lãnh đạo Công ty giới thiệu, tóm tắt lý lịch, nhận xét mặt mạnh, mặt yếu, triển vọng phát triển và dự kiến phân công công tác.
- Giới thiệu bổ sung ngoài danh sách nhân sự do lãnh đạo Công ty giới thiệu.
- Cán bộ được giới thiệu có thể trình bày ý kiến về thực hiện nhiệm vụ nếu được bổ nhiệm, trả lời những vấn đề liên quan.
- Ghi phiếu (không phải ký tên). Các phiếu được niêm phong và gửi tới TGD. Không mở phiếu và công bố kết quả trước hội nghị.

4. Ban lãnh đạo Công ty họp xem xét kết quả lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến có giá trị tham khảo rất quan trọng nhưng không phải là căn cứ duy nhất để quyết định. Hội nghị tiến hành thảo luận, nhận xét, đánh giá, lựa chọn cán bộ và biểu quyết nhân sự (bằng phiếu kín). Nhân sự đề nghị bổ nhiệm phải được đa số các thành viên trong BLĐ Công ty tán thành.

5. Lấy ý kiến bằng văn bản của tổ chức chính trị xã hội (nếu cần thiết) nơi cán bộ công tác về nhân sự được đề nghị bổ nhiệm.

6. Tổng giám đốc làm tờ trình đề nghị HĐQT bổ nhiệm.

Điều 26. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Trưởng các phòng chức năng Công ty

a. Trong trường hợp Trưởng các phòng chức năng Công ty được đề bạt, được chuẩn bị nghỉ hưu theo chế độ, được chuyển công tác theo yêu cầu của tổ chức ..., Tổng giám đốc giao nhiệm vụ cho Trưởng phòng chức năng cùng lãnh đạo các phòng đề cử người thay thế trên cơ sở cán bộ đã quy hoạch.

1. Căn cứ tình hình thực tế của phòng và ý kiến chỉ đạo của Tổng giám đốc, Trưởng phòng chủ trì cùng các Phó trưởng phòng, Chi uỷ họp bàn, đề xuất phương án nhân sự chủ yếu dựa vào nguồn cán bộ trong quy hoạch và thông qua nhận xét đánh giá.

2. Tổ chức họp toàn thể CBVC trong phòng để lấy ý kiến về nhân sự đề nghị bổ nhiệm.

3. Trưởng phòng làm tờ trình Tổng giám đốc kèm theo biên bản cuộc họp của lãnh đạo phòng, bản tổng hợp ý kiến của CNVC trong phòng.

b. Trong trường hợp Trưởng các phòng chức năng bị kỷ luật giáng chức hoặc sẽ được điều đi nơi khác hoặc trong các trường hợp riêng biệt xét thấy Trưởng các phòng chức năng không đủ tín nhiệm để chủ trì thực hiện các bước đã nêu thì:

- Tổng giám đốc chỉ định một đồng chí trong lãnh đạo phòng chủ trì hoặc
- Tổng giám đốc chọn phương án nhân sự sau đó tham khảo ý kiến của lãnh đạo phòng và CNVC trong phòng.

Điều 27. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Phó trưởng phòng chức năng Công ty.

1. Căn cứ tình hình thực tế của phòng và ý kiến chỉ đạo của Tổng giám đốc, Trưởng phòng chủ trì cùng các Phó trưởng phòng, Chi uỷ họp bàn, đề xuất phương án nhân sự chủ yếu dựa vào nguồn cán bộ trong quy hoạch và thông qua nhận xét đánh giá.

2. Tổ chức họp toàn thể CBVC trong phòng để lấy ý kiến về nhân sự đề nghị bổ nhiệm.

3. Trưởng phòng làm tờ trình Tổng giám đốc kèm theo biên bản cuộc họp của lãnh đạo phòng, bản tổng hợp ý kiến của CNVC trong phòng.

Điều 28. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm

a. Tờ trình về việc đề nghị bổ nhiệm cán bộ do thủ trưởng đơn vị ký gửi cấp có thẩm quyền bổ nhiệm.

b. Lý lịch cá nhân có ảnh 04x06 (theo mẫu thống nhất) của cán bộ, có xác nhận của thủ trưởng đơn vị nơi đang quản lý sử dụng cán bộ.

c. Biên bản họp ban lãnh đạo đơn vị để thảo luận, nhận xét ưu khuyết điểm và biểu quyết về việc đề nghị bổ nhiệm cán bộ.

d. Văn bản xác minh, kết luận những vấn đề mới phát sinh liên quan đến cán bộ được đề nghị bổ nhiệm (nếu có). Trường hợp thủ trưởng đơn vị và BLĐ hoặc cấp uỷ có ý kiến khác nhau cần báo cáo đầy đủ lên cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 29. Bổ nhiệm lại

1. Việc bổ nhiệm lại cán bộ trong Công ty áp dụng đối với các chức danh sau:

- Phó Tổng giám đốc Công ty, Kế toán trưởng Công ty, Phó trưởng đại diện của Công ty ở trong và ngoài nước (nếu có).

- Trưởng, Phó các phòng chức năng Công ty.

2. Khi hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm cán bộ phải được xem xét để quyết định có bổ nhiệm lại hay không bổ nhiệm lại.

3. Những cán bộ sau khi được bổ nhiệm lại vì những lý do cụ thể như sức khỏe không đảm bảo, không phù hợp với điều kiện làm việc, sinh hoạt, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc qua thăm dò tín nhiệm đạt dưới mức trung bình ... cấp lãnh đạo có thẩm quyền cần xem xét điều chỉnh thay thế kịp thời, không để hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm.

*** Điều kiện được bổ nhiệm lại**

- Hoàn thành nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ và vẫn đủ tiêu chuẩn, đủ tín nhiệm, đủ sức khỏe, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong thời gian tới.

- Đơn vị đề nghị bổ nhiệm lại có yêu cầu, có công văn đề nghị cấp ra quyết định xem xét bổ nhiệm lại.

Những cán bộ khi hết thời hạn giữ chức vụ nếu thời gian công tác cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu nhỏ hơn 2/3 (hai phần ba) thời hạn giữ chức vụ, nếu vẫn đáp ứng được yêu cầu thì được kéo dài thời hạn giữ chức vụ cho đến tuổi nghỉ hưu.

Cán bộ không được bổ nhiệm lại sẽ được bố trí công tác khác.

Điều 230. Thủ tục, hồ sơ bổ nhiệm lại

1. Hàng năm tổ chức việc nhận xét, đánh giá cán bộ theo quy định.

2. Trước khi hết thời hạn bổ nhiệm 3 tháng cán bộ phải làm bản tự kiểm điểm, tự nhận xét, đánh giá việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ.

3. Tổ chức lấy ý kiến nhận xét của cán bộ chủ chốt trong đơn vị về việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ.

4. BLĐ đơn vị họp để nhận xét, đánh giá, đề xuất ý kiến có bổ nhiệm lại hay không bổ nhiệm lại đối với cán bộ thuộc thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ hiện hành.

5. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại gồm:

- Bản tự kiểm điểm của cán bộ trong thời gian giữ chức vụ.

- Biên bản họp ban lãnh đạo đơn vị đánh giá mặt mạnh, mặt yếu của cán bộ và ý kiến biểu quyết cuộc họp.

- Công văn của thủ trưởng đơn vị về việc đề nghị bổ nhiệm lại cán bộ.

Điều 31. Ký hợp đồng lao động với người điều hành công ty

Người điều hành/Cán bộ quản lý công ty sẽ phải ký hợp đồng lao động với Người đại diện theo pháp luật của công ty theo đúng quy định của Bộ Luật lao động Việt Nam hiện hành.

Điều 32. Từ chức, miễn nhiệm người điều hành công ty

Trong thời gian giữ chức vụ nếu người điều hành/cán bộ quản lý công ty có nguyện vọng xin từ chức thì làm đơn báo cáo Tổng giám đốc trực tiếp sử dụng cán bộ xem xét ra quyết định.

Người điều hành/cán bộ quản lý công ty sau khi từ chức được bố trí công tác khác tùy theo phẩm chất đạo đức, năng lực, có xem xét đến nguyện vọng cá nhân và được hưởng lương theo chức danh công tác mới.

Trường hợp trong thời gian giữ chức vụ nếu người điều hành/cán bộ quản lý công ty có sai phạm chưa đến mức phải kỷ luật cách chức, hoặc xét thấy không còn đủ uy tín, năng lực, điều kiện để giữ chức vụ thì người trực tiếp sử dụng cán bộ quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định miễn nhiệm chức vụ của cán bộ và bố trí công tác khác. Nếu sai phạm hoặc vi phạm kỷ luật mà bị cách chức thì người trực tiếp sử dụng cán bộ quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền bố trí công tác khác.

Điều 33. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành công ty

Đối với người điều hành công ty là thành viên Hội đồng quản trị công ty thì việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm được thực hiện theo quy định về việc công bố thông tin tại Điều lệ công ty và Điều 14 của quy chế này.

Đối với các cán bộ quản lý khác, việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm được thực hiện bằng hình thức giao nhận văn bản quyết định thông thường.

CHƯƠNG VI: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 34. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và TGD

1. Thành viên BKS, thành viên Ban TGD (không phải là thành viên HĐQT) và cán bộ quản lý có thể được triệu tập tham gia các cuộc họp của HĐQT khi HĐQT xét thấy việc tham gia này là cần thiết. Trong trường hợp này, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu liên quan kèm theo đến BKS, Ban TGD ít nhất năm (05) ngày làm việc trước cuộc họp.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a) Ban kiểm soát;
- b) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e) Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty.

5. Khi cần thiết, Trưởng BKS có thể mời một số thành viên HĐQT và thành viên Ban TGD tham dự cuộc họp của BKS để tham vấn những vấn đề liên quan. Trong trường hợp này, Thư mời phải được gửi cho những thành phần được mời ít nhất năm (05) ngày làm việc trước cuộc họp.

6. Khi cần thiết, TGD có thể mời một số thành viên HĐQT, thành viên BKS tham dự cuộc họp của Ban TGD để tham vấn những vấn đề liên quan. Trong trường hợp này, Thư mời phải được gửi cho những thành phần được mời ít nhất năm (05) ngày làm việc trước cuộc họp.

Điều 35. Vấn đề báo cáo và cung cấp thông tin

1. Thành viên HĐQT, TGD và cán bộ quản lý các cấp phải cung cấp tất cả thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động Công ty theo yêu cầu của BKS. Yêu cầu phải được lập thành văn bản và có chữ ký của Trưởng BKS.

2. Trường hợp cần thiết, Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu TGD, Phó TGD, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

3. TGD báo cáo HĐQT và BKS về việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT; báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và điều hành Công ty và các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể của HĐQT hoặc BKS.

Điều 36. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên BKS và TGD

1. Các thành viên HĐQT, BKS và TGD sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp cần thiết, các thành viên HĐQT, BKS và TGD có thể thông tin ngay (trực tiếp hoặc qua điện thoại, email) cho nhau, đảm bảo giải quyết công việc thuận lợi và hiệu quả.

CHƯƠNG VII: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 37. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

1. HĐQT Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;
- b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

1. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông.

2. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS.

3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.

4. Tham dự các cuộc họp.

5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp.

6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 39. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và công bố thông tin Người phụ trách quản trị công ty

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT Công ty quyết định và phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VIII: ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 40. Phương thức, tiêu chí đánh giá hoạt động

1. Phương thức đánh giá hoạt động:

a) Tùy thuộc vào quy định của HĐQT, công tác đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác (do HĐQT Công ty bổ nhiệm) có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức: Tự nhận xét, đánh giá; Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm; Cách thức khác do HĐQT Công ty quyết định.

b) Đối với các cán bộ quản lý khác không thuộc đối tượng HĐQT Công ty bổ nhiệm, thì TGD quyết định phương thức, quy trình tổ chức và thực hiện đánh giá hoạt động, báo cáo HĐQT kết quả thực hiện đánh giá khi có yêu cầu.

2. Tiêu chí đánh giá hoạt động:

a) HĐQT đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên hàng năm dựa theo chức năng, nhiệm vụ HĐQT quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

b) BKS đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên hàng năm dựa theo chức năng, nhiệm vụ BKS quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

c) HĐQT đánh giá kết quả và hiệu quả điều hành của TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác liên quan hàng năm dựa trên cơ sở đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty, có tham khảo ý kiến của Trưởng BKS.

d) Đối với các cán bộ quản lý khác không thuộc đối tượng HĐQT Công ty bổ nhiệm, thì TGD quyết định việc đánh giá.

Điều 41. Khen thưởng, kỷ luật

1. Khen thưởng:

a) HĐQT quyết định khen thưởng đối với các chức danh quản lý do HĐQT Công ty bổ nhiệm.

b) TGD quyết định khen thưởng đối với các chức danh quản lý do TGD Công ty bổ nhiệm.

c) Việc khen thưởng đối với thành viên HĐQT, KSV do ĐHĐCĐ Công ty quyết định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

2. Kỷ luật:

a) Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên Ban TGD và cán bộ quản lý trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao mà vi phạm quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và Công ty.

b) HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm. TGD có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do TGD bổ nhiệm.

c) Nguyên tắc xử lý kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định của Công ty và quy định pháp luật lao động.

CHƯƠNG IX: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. Xử lý vi phạm

Các tổ chức, cá nhân vi phạm các qui định trong qui chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà có thể bị kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo qui định của pháp luật.

Điều 43. Tổ chức thực hiện

Hội đồng Quản trị chủ trì phối hợp với Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và các đơn vị, cá nhân có liên quan trong công ty tổ chức thực hiện qui chế này.

Điều 44 Sửa đổi, bổ sung qui chế

Khi các văn bản qui phạm pháp luật có liên quan được sửa đổi, bổ sung hoặc quá trình thực hiện qui chế này có vướng mắc, có những vấn đề không phù hợp, các đơn vị & cá nhân có liên quan có trách nhiệm đề xuất với công ty (thông qua Phòng Tổng hợp), Phòng Tổng hợp Công ty có nhiệm vụ tổng hợp, nghiên cứu báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 45. Hiệu lực thi hành

Qui chế này có hiệu lực kể từ ngày được thông qua Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và ký quyết định ban hành.

Các quy định, hướng dẫn trong các văn bản liên quan khác đang áp dụng trong Công ty có nội dung khác với quy chế này sẽ được thay thế bởi nội dung tương ứng của quy chế này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)